Năm thứ hai — Số 66
Tuần-lễ từ thứ tư 30 Septembre
đến thứ ba 6 Octobre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra thằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

Bàn về Việt-nam khoa-học ngữ (I) — *Nguyễn trọng-Thuyết*
Tra nghĩa chữ nho (XVIII) — *Ứng-Hòe Nguyễn Văn-Tố*
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (XXXXI) — *Ứng-Hòe*
Tại sao bậc cao-đẳng tiểu-học Phép không còn nữa ? — *Nhân-Nghĩa*
Phê-bình « Tôn thọ-Tường » — *Kiều thanh-Quế*
Phép đổi năm âm-lịch và dương-lịch — *Hoàng xuân-Hãn*
Lam-sơn — *Vị-Dang*
Từ Hà-nội đến hồ Ba-bể (du-ký, VI) — *Nhật-Nham*
Tùy hứng — *Giản-Chi — Cách-Chi*
Những ông nghè triều Lê (XXXVI) — *Nguyễn văn-Tố*
Trúc mai sum họp (XIV) — *Chu-Thiên*
Hưng-đạo đại-vương (kịch, II) — *Trần văn-Bích*
Tiền xích-bích phú (dịch văn Tàu) — *Sơn-Mai*

0$20

Bàn về Việt-nâm khoa-học ngữ

I.— Tại sao nên viết khoa-học

BẰNG TIẾNG TA?

của NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

NÊN viết khoa học bằng tiếng mẹ đẻ là một câu chuyện chỉ lý hình như không cần phải có người bênh vực nữa.

Nhưng nếu hỏi căn vặn tại sao nên viết khoa học bằng tiếng mẹ đẻ, thì nhiều người sẽ lúng túng trả lời không được gọn, không rõ vì xưa nay chưa bao giờ nghĩ đến câu chuyện ấy một cách thấu đáo.

Nên viết khoa học bằng tiếng mẹ đẻ vì nhiều lẽ :

1·) Có học bằng tiếng mẹ đẻ mới ngấu (assimiler).

2) Có học bằng tiếng mẹ đẻ mới mong phổ thông khoa học trong nước được.

3) Có học khoa học bằng tiếng mẹ đẻ mới mong mang những điều hiểu biết mà ứng dụng trong cuộc sinh sống được.

4·) Có học khoa học bằng tiếng mẹ đẻ mới mong sau này người mình trong một xó khoa học nào đó, sẽ biết hơn người, sẽ mang cái sáng kiến của mình mà bổ khuyết cho nền khoa-học của nhân-loại.

Lẽ thứ nhất :

Có học bằng tiếng mẹ đẻ mới hiểu, mới ngấu (assimiler)

Hồi xưa ông cha mình học Tam tự kinh, đọc « Viết : Nam, Bắc ; Viết : Tây, đông : Thử tứ phương ứng hồ trung » là « Rằng Nam, Bắc, rằng Tây, Đông, Ấy bốn phương, ứng chung giữa gọi » là hiểu.

Bây giờ mình đọc ; « Pour trouser la longueur de la circonférence, on multiple 2R par π » là « muốn biết cái vòng dài bao nhiêu thì nhân hai R với π », mình cũng cho là mình hiểu

Trong biển học mình đã làm một công việc chẳng khác công việc của ông cha mình một ly nào Thế mà hằng ngày vẫn có người lên giọng khinh bỉ, chê ông cha mình học vô lối.

Thế mới là đối chiếu chữ nào chữ ấy, câu nào câu ấy, chưa phải là hiểu. Thế mới là hiểu nghĩa câu, chưa phải hiểu nghĩa lý, chưa gọi là hiểu được.

Giá có học bằng tiếng mẹ đẻ, thì người học đã tự hỏi rằng : « Ứng chung giữa » là thế nào ? hay tại làm sao lại nhân hai R với π (pi) ; sao không nhân năm R với pi ; và π con số bí mật ấy tại sao lại là 3, 1416...?

Có hỏi thầy hay tự hỏi mình như thế mới gọi là hiểu, dầu rằng thầy không giảng cho, hay tự mình cũng không tìm ra nhẽ.

Một trăm cậu học sinh ở trường sơ đẳng không có đến một cậu tự hỏi như vậy, thì sao gọi là hiểu được.

Lên một bực nữa, thấy thầy nói : « Soit le triangle rectangle ABC, abaissons du point A sur BC la perpendiculaire AP, et prolongeons-la jusqu'à sa rencontre en Q avec le côté DE du carré BCDE etc» thì cũng mơ màng biết thầy hiểu là : « Từ đỉnh A của hình ABC, hạ đường AP đứng sững trên đường BC, rồi kéo thẳng con đường AP cho đến khi nó gặp cạnh DE của cái vuông B C D E ở chỗ Q, v. v ».

Thấy thầy biểu như thế, thì cũng gọi như thế, chứ một trăm cậu chưa có một cậu tự hỏi tại sao muốn giải cái « théorème » này, lại bắt đầu vạch con đường AP, hay tại sao muốn giải cái tính đố kia lại phải bắt đầu ở chỗ : « Giả thử như cái tính đố ấy làm xong rồi...»(Supposons le problème résolu) ?

Như thế sao gọi là hiểu được ?!

Lên một bực nữa, cũng thế thôi. Thấy nói làm sao thì nghe làm vậy ; không có xét đoán gì cả thì hiểu vào đâu ?

Vậy mà khi một ông giáo tây có chê rằng : « Học in con vẹt (con kẹt) » thì lại không bằng lòng, tức ngạc nhiên ; tự kiêu rằng nếu học không hiểu thì sao thi lại đỗ... có bằng này, bằng nọ. Chớ không biết rằng tất cả các thí sinh, hễ nhớ rằng muốn tìm bề dài cái vòng thì nhân 2R với π là đỗ hết.

Vậy cái bằng cấp cũng chưa đủ để chứng nhận rằng mình thông hiểu.

Có học bằng tiếng mẹ đẻ mới hiểu, mới ngấu (assimiler) cái mình học. Có học khoa-học bằng tiếng mẹ đẻ, thì cái tinh thần của khoa-học nó mới lộn vào mà hóa cái tính chất của khối óc mình được. Lúc bấy giờ cái óc của mình

nó đã thành ra một khối óc khoa-học, tự nó sẽ bày ra các khoa-học, tự nó sẽ kiếm ra những điều hiện giờ mình học trong các khoa-học.

Theo điệu ông lang nhà mình thì người ta biểu cái tinh-thần hay cái bệnh khoa-học nó đã nhập tim (tâm) mình rồi, không thể gột rửa, chữa chạy gì được nữa.

Theo điệu nhà tâm-lý học, thì họ sẽ biểu cái tinh thần khoa-học nó đã thấu đến chỗ xó tối (subconscience, inconscience) của bộ óc, không thể mất được nữa, dầu rằng khi thức tỉnh mình có quên hết những điều mình đã học. Vì cái óc mình lúc bấy giờ nó khoa-học rồi, tự nó, nếu mình muốn, nó lại kiếm ra khoa-học.

Vì vậy mình nên viết khoa-học bằng tiếng mình, mình nên học khoa-học bằng tiếng mình. Đó là một lẽ.

Lẽ thứ hai : Có học khoa-học bằng tiếng mẹ đẻ, thì mới mong phổ-thông khoa-học được.

Viết khoa-học bằng tiếng ta là cốt cho trong nước, nhà quê, kẻ chợ, ai đọc được quốc-ngữ cũng có thể tự mình học lấy, rồi « tuần tự nhi tiến » đều thông tường khoa học được cả. Điều đó ai cũng biết.

Nhưng còn mấy điều này :

Học khoa-học bằng tiếng mẹ đẻ, một người học, cả nhà nghe, cả nhà hiểu ; một người nói, cả bọn nghe, cả bọn hiểu. Lúc bấy giờ mới mong phổ-thông khoa-học trong nước một cách mau chóng được.

Học khoa-học bằng tiếng ngoại-quốc, anh học thì em không hiểu, em học thì anh không cần nghe, người nào học cho người ấy, có muốn nói ra cũng không nói được, thế rồi chết là mang hết cái hiểu biết của mình đi theo, con cháu không được hưởng một chút gia-tài nào cả.

Đó là lẽ thứ hai mình phải viết khoa-học bằng tiếng mình ; mình phải học khoa-học bằng tiếng mình.

Lẽ thứ ba : Có học khoa-học bằng tiếng mẹ đẻ mới mong mang những điều hiểu biết mà ứng dụng trong cuộc đời.

Học khoa-học bằng tiếng ngoại-quốc, ai học người ấy nghe ; cha mẹ, anh em, vú bố, hàng xóm, láng giềng không ai nghe được cả, không ai hiểu cái gì cả, cho nên khi mang những điều mình hiểu biết ra mà thực-hành thì mọi người xung quanh mình đều cho mình là gàn dở, gây nên một cái trở lực rất lớn, một mình mình không thể chống lại nổi.

Bởi vậy, những món rất cần thiết cho sự sống như cách-trí, vệ-sinh, luân-lý đã là những món học để làm bài, chớ không phải học để mà « hành ».

Đó là lẽ thứ ba, mình cần viết khoa học bằng tiếng mình ; mình phải học khoa học bằng tiếng mình.

Lẽ thứ tư : Mình phải học khoa học bằng tiếng của mình, tất nhiên là mình phải viết khoa-học bằng tiếng của mình ; mình phải có cách để viết cho được khoa học bằng tiếng của mình.

Có viết được khoa-học bằng tiếng của mình mới mong được một ngày kia mình cũng bổ khuyết cho cái nền khoa học của nhân loại.

Học mượn tiếng của người, thì mình chỉ học được cái người ta đã biết rồi, đã nói rồi, đã làm ra sách vở rồi, nghĩa là bao giờ mình cũng theo đuôi người ta, không bao giờ mình kịp người ta được, đừng nói mong vượt được người.

Hiện giờ, cái tầm thức về khoa học của người mình rất kém. Nhưng phải mong rằng sau này mình sẽ theo kịp người, và trong một xó khoa-học nào đó, mình sẽ có chỗ biết hơn người.

Lúc bấy giờ mình phải tự mình đặt ra tiếng, đặt ra chữ mà nói, để giải-bày cái tư-tưởng khoa-học, cái sáng-kiến của mình ; để bổ-khuyết cho cái nền khoa-học của nhân loại.

Đó là lẽ chánh khiến cho mình phải định trước những phương-pháp để tha hồ đặt tiếng mới, đặt tiếng mới, để tha hồ cần đến đâu có tiếng đến đó, biết đến đâu có chữ đến đó ; chớ không thể dịch mà cũng không thể mượn tiếng của người ta được, vì một lẽ cố nhiên là người ta chưa có thì mình mượn với dịch vào đâu ?

Mình còn phải đặt ra những tiếng hiện giờ thiên hạ chưa có, mà sau này vị tất họ đã có trước mình. Lúc bấy giờ dựa vào đâu mà mượn với dịch ?

Về đường học vấn, mình thua kém người là sự thực hiển nhiên thì mình phải đi sau — không phải đi theo — người cũng lại là một sự cố nhiên. Nhưng trên con đường học vấn đi sau lại là một cái lợi. Đường người ta đã dọn sẵn, đã làm sẵn, con mắt mình đã trông thấy cái toàn thể của nó, chỗ nào cong queo, chỗ nào cao thấp, xấu tốt làm sao, mình có thể biết trước được, mình phải biết trước để tránh đi, để mà làm lại. Đi sau, mình phải thấy chỗ người ta lầm mà tránh ; làm sau, mình phải tinh xảo hơn người. Chớ người ta đi lầm đường mình cũng không biết, người ta đi lối nào mình cũng theo lối đó, người ta làm thế nào mình bắt chước thế ấy, mình cũng làm y như thế, thì chỉ có óc bắt chước một cách nô lệ thôi, chớ không có óc phán đoán, suy xét, không thể có sáng kiến được.

Xem tiếp trang 21

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 18 Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

QUÂN của bộ-hạ giặc, tục gọi là *lâu-la*. Chữ lâu-la này viết *khẩu* bằng chữ *lân*, *khẩu* bằng chữ *la*. Cũng có khi viết *nhân* đứng bằng chữ *lâu*, *nhân* đứng bằng chữ *la* ; nghĩa cũng thế, nhưng thêm nghĩa « cán biện năng sự » là người có tài làm được việc. Ở *Ngũ-đại sử*, *Lưu-Thà truyện* có câu ; « Chư quân khả vị lâu-la nhi hĩ », nghĩa là các ngươi có thể gọi là người lâu-la, tức là người giỏi công việc. Không có nghĩa là reo-hò như ông Lê văn Hòe nói trong quyển *Tầm nguyên từ-điển*, ở trang 157.

Ly-tao là tên một bài thơ trường-thiên cổ nhất của Tàu. Đời Chiến-quốc, Khuất-Nguyên làm quan với Sở Hoài-vương đến chức tam-lư đại-phu, bị Ngận-Thượng gièm, vua xa Khuất-Nguyên. Khuất-Nguyên làm bài *Ly-tao* để tỏ chí mình. Ông d'Hervey de Saint-Denys có dịch ra chữ Pháp, đề là *K'iu-yuan, Li-sao, poème du IIIe siècle avant notre ère, traduit du chinois, accompagne d'un commentaire perpétuel et publié avec le texte original*. Ông Tư-mã Thiên cắt nghĩa : « Ly-tao do ly ưu giã », ly-tao cũng như là lìa sự lo. Sau đời Khuất-Nguyên, có lũ Tống-Ngọc, Nghiêm-Ky, Châu-Dương, Đông-phương-Sóc, Lưu-Hướng, Vương-Bao, hâm-mộ lối văn mà bắt-chước, đời gọi là « Sở-từ ». Đến đời Hậu-Hán có Vương-Dật chú-thích từng bài, từng câu, gọi là *Ly-tao kinh*. Hồng Hưng-Tổ nói rằng : « Kẻ sĩ đời sau bắt-chước lối văn ấy, tôn sách ấy làm kinh ». Văn của họ Khuất, họ Tống, gọi là « Sở từ », bắt đầu từ Lưu-Hướng. Người sau cũng gọi là « Tao », cho nên trong bài phẩm-bình Sở-từ của Lưu-Hiệp lấy chữ « Biện Tao » làm mục-lục, nghĩa là chỉ chép một bài thứ nhất cũng đủ rồi (chép theo *Từ-nguyên*).

Loan là tên chim, đời xưa bảo nó giống con phượng, có năm vẻ mà nhiều sắc xanh (*Đàm-khái*). Sách *Sơ-học ký* chép con đực là phượng, con cái là hoàng, con non là loan-thốc. Chữ *loan* con nghĩa là nhạc « linh giã » như loan-xa, loan-đao, đều buộc nhạc để làm trang-sức : loan-đao là con dao bằng ngọc có buộc nhạc, đời xưa dùng để cắt muông-sinh khi tế-tự. Kinh Thi có câu : « Chấp kỳ loan-đao », nghĩa là cầm loan-đao. Xe có buộc nhạc gọi là loan-xạ. Xe của thiên-tử thì bốn ngựa, tám nhạc ; cái nhạc ấy kêu như tiếng chim loan, vui-vẻ mà kính-trọng. Loan-xa cũng có khi gọi là loan-lộ, loan-giá. Chữ *giá* có nhiều nghĩa : một là lấy ngựa đóng vào xe : kinh Lễ có câu : « Quân xa tương giá », xe vua sắp đóng ngựa. — Hai là cưỡi : thơ Bạch-cư-Dị có câu : « Thủy tri giá hạc thừa vân ngoại », mới biết cưỡi hạc lên trên từng mây. — Ba là nói chung về các xe : *Hậu-Hán thư* có câu : « Thiên-tử xuất, hữu đại-giá, hữu pháp-giá, hữu tiểu-giá », khi đứng thiên-tử đi ra, thì có đại-giá, pháp-giá, tiểu-giá. — Bốn là pháp : đời Đường chỗ thiên-tử ở gọi là nha ; khi đi gọi là giá. Nay dùng làm lời tôn-xưng người ta, như là « giá lâm », ngài tới, « uổng giá », ngài chịu phiền đến. — Năm là đè lấn, « lăng giã », nghĩa là đè lên trên : *Tả-truyện* có câu : « Do trá Tấn nhi gia yên », còn nói dối nhà Tấn mà lấn đấy. — Sáu là truyền người này sang người khác. — Bảy là thêm ; Trang-tử có câu ; « Thì do ẩm dược, dĩ giá bệnh giã », ví như uống thuốc để thêm bệnh vậy. — Tám là cái giá ; lấy gỗ lấy cây đóng chéo nhau, cũng gọi là giá (chép theo *Từ-nguyên*).

Long phi dùng để ví các bậc đế-vương lên ngôi. Kinh Dịch có câu : « Phi long tại thiên », rồng bay trên giời. Phú ông Trương-Hoành có câu : « Long phi bạch thủy », rồng bay nước trắng. *Long phi* còn một nghĩa nữa là niên-hiệu. Ở bên Tàu, về khoảng thập-lục quốc, năm 1547, có người tên là Lã-Quang xưng hiệu là Long-phi ; lại đời nhà Minh, giặc ở Quảng-châu tên là Trương-Liên cũng xưng hiệu là Long-phi. Ở bên ta, các câu đối, hoành, trướng, mừng, phúng, ở chỗ đề niên-hiệu, như « Cảnh-thịnh nguyên-niên qui-sửu » 1793, có người viết là « long-phi qui-sửu », ý không chịu thần-phục ông Nguyễn-quang-Toản 1792-1802 đời Tây-sơn.

Ở trong 160 quyển từ-điển của ông Lê văn-Hòe, nên thêm chữ *long-đình* ; đình là sân, sân vua Hung-nô. Thơ ly-Bạch có câu : « Tích biệt Nhạn-môn-quan, kim thú long-đình tiền », ngày xưa từ-biệt cửa ải Nhạn-môn, nay đến sân vua Hung-nô. *Lục-vân-tiên* có câu : « Anh em bái tạ long-đình đều lui ». Chữ *long-đình* này còn có nghĩa là tướng kỳ-dị. Đường-Kiệm bảo Đường Cao-tổ có tướng « nhật-giác long-đình ». nhật-giác là trên trán có xương nổi như mặt giời, đời xưa cho là tướng thiên-tử ; nhà xem tướng gọi trán bên tả là nhật-giác.

Mệnh-lệnh chép làm luật nhất-định gọi là *luật-lệnh*. *Sử-ký Tiêu tướng-quốc thế-giá* có câu : « Tiên nhập thu Tần thừa-tướng ngự-sử luật-lệnh tàng chi », trước vào thu tuật-lệnh ở dinh thừa-tướng và ngự-sử cất đi ». Sách *Cư-hạ lục* nói rằng: cuối câu phù-chú có chữ « cấp-cấp như luật linh », cũng là chữ lệnh, nhưng ở đây phải đọc là linh (bình thanh): tiệp-quĩ ở bên Lôi-bộ hay chạy và giúp Lôi-bộ rất mau, cho nên gọi thế.

Cuối đời Tây-Hán, Vương-Mãng 9-22 cướp ngôi nhà Hán, lũ Vương-Khuông khởi binh ở trong núi Lục-lâm, huyện Đương dương, tỉnh Hồ-bắc. Đời sau gọi những trộm cướp là lục-lâm, gốc ở đấy.

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Phê-bình

« TÔN THỌ - TƯỜNG »

Danh-nhân truyện-ký của Khuông-Việt

KIỀU THANH-QUẾ viết

THẾ nào là sùng bái cổ nhân ? Thế nào là tìm hiểu người xưa ?

Trong bài tựa quyển *Tôn thọ Tường*, Khuông-Việt đáp : « Tìm hiểu người xưa là cốt mong đặng một vài ánh sáng, dầu không giúp ích cho ta, có lẽ cũng an ủi ta được đôi phần trong những khi tâm hồn lưng lưng man mác trước một di tích bất hủ của thời xưa, hay một cảnh đẹp thần tiên của đất nước.

«Tìm hiểu người xưa, ắt hẳn chúng tôi không thể không khơi lên đống tro tàn của cuộc đời dĩ vãng. Tuy nhiên biết đâu trong đống tro tàn đó lại chẳng còn một vài đốm lửa, dầu không nung-nấu đặng tâm trí người sau, cũng làm ấm áp đặng đôi phần những tâm hồn hoài cựu ?

«Nỗi khó khăn là muốn hiểu rõ tiền nhơn hoặc muốn xét đoán hành động của người để tìm ánh sáng, kẻ hậu sanh chẳng những cần phải biết rõ hoàn cảnh gia đình, thân thế cùng trí đức của người, mà lại còn cần phải thấu đáo tình trạng xã hội lúc bấy giờ và các trào lưu của những nguồn tư tưởng đương xung đột nhau thuở ấy».

Quan-niệm tìm hiểu người xưa, sùng-bái cổ nhân ấy của Khuông - Việt, chúng tôi cho rằng còn chưa đầy-đủ !

Ta cần nên biết phân-biệt, trước khi muốn sùng-bái tìm hiểu cổ nhân là hạng người nào trong xã-hội thời bấy giờ. Ví dụ một danh tướng như Trần Hưng-Đạo vương, ta phải sùng bái những chiến công oanh-liệt rực rỡ của ngài. Còn một thi sĩ như cụ Nguyễn công Trứ chẳng hạn ta nên sùng bái bằng cách tìm hiểu đời thi sĩ của cụ trải qua đời chính trị của cụ. Khuông - việt sùng bái Tôn Thọ Tường bằng cách tìm hiểu đời chánh - trị của Tôn nhiều hơn đời thi-sĩ Tôn.

Trích lục gần đủ thơ văn Tôn Thọ-Tường, như Khuông-Việt đã làm trong tác-phẩm ông, thế có phải là tìm hiểu đời thi sĩ của Tôn không ?

Chắc rằng không !

Chúng tôi nhận thấy các nhà làm truyện ký Âu-tây, mỗi khi biên tập về đời thi - sĩ của cụ trải qua đời chánh - trị của cụ.

Khuông - Việt sùng bái Tôn - Thọ - Tường bằng cách tìm hiểu đời một thi-sĩ nào,bao giờ các ông cũng dựa vào thơ văn của thi-sĩ ấy để xét-đoán phê-phán.

Rải-rác trong hai chương : « Thời niên thiếu của Tôn Thọ - Tường » và «Đời chánh trị của Tôn Thọ - Tường», thỉnh thoảng chúng tôi cũng thấy Khuông-Việt dựa vào một ít thơ văn của Tôn, để lập luận. Nhưng ước gì trong tác-phẩm mình, Khuông - Việt có được thêm một chương nữa « Đời thi-sĩ của Tôn Thọ-Tường», thì mới thỏa-mãn tấm lòng này ! Trong chương ấy, Khuông Việt sẽ không trích lục suông thơ văn của Tôn thọ Tường mà vừa trích lục vừa phê phán.

Trên kia đã viết : « Khuông - Việt sùng-bái Tôn thọ Tường bằng cách tìm hiểu đời chánh-trị của Tôn nhiều hơn...»

Thật vậy, viết « Tôn - thọ - Tường, » Khuông-Việt tìm hiểu và cố làm cho người đọc hiểu rằng đời chánh - trị của Tôn trong sạch, không đáng chịu những lời mạt-sát của Cử Trị, những lời biếm nhẻ của Huỳnh Mẫn-Đạt. Khuông - việt làm việc thân oan cho Tôn thọ-Tường :

«... Nhân sĩ lục châu đã buộc cho Tôn cái tội « học rộng văn hay mà lại không biết giữ tròn tiết tháo». — Nỗi oan đó, ngày nay, soạn giả xin vì người xưa, kính cẩn đem trình bày giữa tòa án dư luận » (tr. 82-83).

Thân oan cho Tôn Thọ Tường là phải bác những kẻ mạt sát, biếm-nhẻ Tôn. Phải xét kỹ lời thơ mạt-sát của Cử Trị, lời thơ biếm-nhẻ của Huỳnh Mẫn-Đạt, hậu mới phê phán lập luận được.

Khuông Việt không làm thế ! Ông chẳng trích lục cho ta biết 10 bài thơ liên hườn của Cử Trị mạt - sát Tôn thọ-Tường, và trích lục hai bài thơ châm biếm Tôn của Huỳnh Mẫn - Đạt, thì ông lại nhất định miễn phê bình !

Thân oan cho một tội-nhân, Khuông Việt không bác những lời buộc tội. Ông tìm một vài nghĩa cử của tội - nhân trưng ra, nhờ tòa án dư luận thương tình tha thứ. Ông nhắc lại việc « ngày 4 Mai 1868, trong một phiên nhóm bất thường của ủy ban xét án, Tôn đóng một vai hệ trọng khiến cho nhiều bị cáo (về tội phiến - loạn) được miễn cứu » (trang 63).

Làm trạng sư mà nhờ quan tòa thương tình tha thứ cho thân-chủ mình, trạng - sư ấy không hùng-biện đâu !

Ông trạng sư không hùng-biện ở đây lại là Khuông-Việt !

.·.

Tóm lại, chúng ta hiện nay, nếu còn tưởng nhớ đến Tôn thọ-Tường, là chỉ tưởng nhớ để trầm mộ ông Tôn thọ-Tường thi sĩ thôi. Chớ ông đốc phủ Ba Tường cũng như ông đốc - phủ B., có đắc tội với quốc-dân hay không, đó tưởng lại là một vấn đề khác.

Ông Khuông-việt nên để quãng thời-giờ tiêu phí cho công-việc mà ta nay chưa cần quan-tâm đến ấy vào công-việc làm nổi bật đời thi - sĩ Tôn Thọ-Tường lên !

KIỀU-THANH-QUẾ

VẤN-ĐỀ « HỌC »

Tại sao bậc Cao-đẳng tiểu học Pháp không còn nữa

NHÂN-NGHĨA

TA đã biết rằng bậc cao-đẳng tiểu-học Pháp ở Pháp và ở Đông-dương đã bị bãi bỏ. Ở Đông-dương, nghị định ngày 31 Mai 1942 của quan Toàn-quyền đổi các trường CĐTH Pháp thành những trường « collèges », còn những trường CĐTH của người Đông-dương vẫn để nguyên.

Tiện đây, ta nên biết hai danh từ «collège » và « lycée », mà ta đều quen dịch là «trường trung-học », khác nhau ra sao. Trường « collège » do ngân-quỹ hàng tỉnh lập nên và chịu phí-tổn về nhà cửa đồ đạc (matériel), còn lương các giáo viên (personnel) do ngân quỹ toàn-quốc chịu ; trường « lycée» thì hết thảy mọi khoản đều do ngân-quỹ toàn-quốc cáng-đáng hết. Giáo-sư trường «collège» phần nhiều chỉ có bằng cử-nhân ; giáo-sư trường «lycée» phần nhiều là những thạc-sĩ. Chức giám-đốc trường «collège» gọi là « principal » ; chức giám-đốc trường «lycée» gọi là « proviseur».

Đại-khái hai thứ trường ấy khác nhau như thế. Nhưng đến chương-trình học thì giống nhau, tức là chương-trình ban trung-học (enseignement secondaire). Tuy vậy, trường « lycée » có đủ các lớp, học đến bằng tú-tài ; còn trường «collège» thường chỉ có từ lớp sáu (*sixième*) đến lớp ba (*troisième*), nhưng đôi khi cũng có đủ đến lớp tú-tài.

Nếu «collège» và « lycée » còn liên-lạc mật-thiết với nhau vì chương-trình học, thì « collège » và « école primaire supérieure » khác hẳn nhau, không bao giờ được đem cái nọ gán cho cái kia. «Collège» thuộc vào ngành trung-học, còn « école primaire supérieure» thuộc vào ngành tiểu-học. Trường cao-đẳng tiểu-học có một chương-trình đặc-biệt, một tôn-chỉ, một mục-đích khác hẳn trường «collège» hay «lycée».

Trong bậc CĐTH tất cả các môn học đều chia ra bốn năm học đủ bốn năm là hết chương-trình.

Ở ban trung-học, chương-trình chia ra những bảy năm mà ở trường «collège» thường khi mới theo được một nửa thôi. Vì lẽ này, tôi tưởng nên dịch «collège» là trường « sơ-đẳng trung-học » để phân-biệt với trường « trung-học » (lycée).

Ở Đông-dương, những trường học theo chương-trình bốn năm CĐTH mà cứ kêu là «collège» thì thật sai với ý-nghĩa chữ « collège » bên Pháp.

Trường cao-đẳng tiểu-học và trường trung-học không những phải khác nhau vì chương-trình, mà còn vì tôn-chỉ, vì mục-đích nữa. Nói cho đúng, chính vì mục đích khác nhau, nên chương-trình mới khác nhau.

Một đằng, bậc cao-đẳng tiểu-học đặt ra, cốt để : mở-mang thêm kiến-thức phổ-thông cho những học-sinh mới ở bậc sơ-đẳng tiểu-học lên ; đồng thời, dạy cho họ những điều thường thức, những cái ích-lợi ngay cho họ sau khi ở trường ra, những cái có liên lạc đến cuộc đời thực-tế chung quanh họ.

Còn một đằng, ban trung-học những hẳn phương-diện thực-tế, chỉ cốt đào-tạo ra những người có cái học thức phổ-thông khá cao, không cần nghĩ đến cái học ấy có ích lợi ngay cho họ khi ở trường ra không.

in xong lần thứ hai

CENT RÉDACTIONS AU CERTIFICAT D'ÉTUDES

hai giáo sư TRẦN HUY-CƠ và NGUYỄN HUY-HOÀNG soạn

Giá : 0 p. 85. Cước thường 0 p. 20. Cước đảm bảo 0p32

Thư và mandat để cho hiệu sách ĐÔNG-TÂY

195, phố Hàng Bông — Hanoi

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

Các hiệu sách và các ông giáo gửi mua, có trừ hỏa hồng

Học sinh ở trường CĐTH ra đã biết những cái cần biết để chọn lấy một nghề, hoặc thương mại, hoặc kỹ-nghệ, hoặc nông-nghiệp v. v... Học đường đã « dự bị » cho họ « sẵn sàng » để « ra đời », để « hoạt-động ».

Học sinh ở trường trung-học a, phải lên bậc đại học, phải trèo cao hơn nữa trên thang học vấn. Nếu họ dừng lại để tìm kế sinh nhai thì hơi nguy-hiểm, vì họ chỉ có thể chọn những công-việc gì cần đến «chữ nghĩa» thôi; vào các ngành thương mại, kỹ-nghệ, nông nghiệp, v. v. . . . . họ không « sẵn sàng » như những người ở trường CĐTH ra.

Nếu những trường CĐTH quả có cái công dụng đặc biệt như thế thì làm sao ngày nay nó lại bị tiêu diệt?

Tiếc thay! Những điều tôi giảng-giải trên kia là dựa theo cái chương trình tốt đẹp mà, khi đem thực-hành người ta đã dần dần làm sai lạc hẳn ý nghĩa đi.

Về cuối thế-kỷ mười chín, có một dạo bậc CĐTH đã bị khủng-hoảng chính vì hồi ấy nó không có tôn chỉ, mục đích gì hết.

Sở dĩ nó được « tái sinh » là vì các nhà giáo-dục, khi lập lại bậc học ấy, đã đặt cho nó hai mục đích mà nó cần phải theo đuổi cùng một lúc: mở mang học thức phổ thông (culture générale) và dậy học sinh những điều cần cho nghề-nghiệp họ sau này (formation professionnelle).

Bao nhiêu người bênh-vực bậc CĐTH đều vin vào cái công-dụng thiết thực của nó.

Ông Léon Bérard, tổng trưởng bộ Giáo-dục nước Pháp, trong bài diễn-văn ở Hạ-nghị-viện ngày 22 juin 1923, đã nói: « Bậc CĐTH cũng như bậc học chuyên môn (enseignement technique) nhưng theo đường khác, hướng dẫn học sinh về nghề nghiệp họ sau này, dự bị cho họ kiếm việc làm trong các ngành thương-mại hay kỹ-nghệ.

Bậc học ấy cốt để cho những thanh niên nào muốn tìm kế mưu sinh khi họ ở trường ra, vào năm 16, 17 tuổi »

Cả hai cái học phổ thông và chuyên nghiệp có đi đôi với nhau thì bậc CĐTH mới có ý-nghĩa của nó.

Quá trọng cái học phổ-thông, xao-nhãng hay bỏ hẳn cái học chuyên nghiệp, thì trường CĐTH chỉ còn là một thứ trường trung học thu nhỏ lại.

Mà quá trọng cái học chuyên-nghiệp, xao-nhãng cái học phổ-thông, thì trường CĐTH còn khác gì các trường chuyên-môn như trường kỹ-nghệ, trường thương mại nữa?

Tiếc thay, bậc cao-đẳng tiểu-học Pháp đã dần dần đi đến bước đường cùng ấy, nên ngày nay nó mới bị tiêu-diệt, khi nó chỉ còn là một thứ trường trung-học thu nhỏ lại.

Một khi các học chuyên-nghiệp bị ruồng bỏ, một khi bốn năm CĐTH « cóp » gần đúng chương-trình bốn năm dưới của ban trung-học, thì sự đổi tên « école primaire supérieure » ra « collège » chỉ là để kết-thúc một tình-thế hiển-nhiên đã bao lâu nay, chứ không có gì mới lạ cả.

Quả thế, theo nghị-định ngày 11 avril 1938 của ông Tổng-trưởng bộ Giáo-dục Pháp, về đủ các môn Pháp-văn, sử-ký, địa-dư, vật-ký, hóa-học, toán-pháp, tự-nhiên-học, hai lớp *année préparatoire E P S* và *sixième E S*, hai lớp *1ère année E P S* và *cinquième E S*, hai lớp *2e années E P S* và *quatrième E S*, hai lớp *3e année E P S* và *troisième E S* đều theo một chương-trình chung (1).

Khi mà hai thứ trường thuộc hai ngành khác nhau (tiểu-học và trung-học) cùng theo một chương-trình thì lẽ tất-nhiên phải hi-sinh đi một. Vì thế, trường CĐTH phải đổi ra « collège » để cùng thuộc vào ngành trung-học như « lycée ».

NHÂN-NGHĨA

(1) E P S: enseignement primaire supérieur
E S: enseignement secondaire

Những sách của Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord
133 Rue du Coton Hanoi

1°) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1 p. 25

2°) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 2 50

3°) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3 50

4°) *Phật lục*, Trần-trọng-Kim 0 80

5°) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duy-Khiêm 1 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15 %.

Một kỳ sau:

Cuộc đời bí-mật của nàng Vương Thúy-Kiều...
của HOÀNG-ĐIỆP

Bài thơ « Đẹt-cửi » phai chàng của vua Lê Thánh-Tông?
của PHẠM MẠNH PHAN

bản chỉ cần nhiều cờ động viên đi khắp các tỉnh

Ai muốn làm, gửi thơ về tòa báo (nhớ kèm 0.06 tem) sẽ có thơ riêng

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 41 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

CXXXV

Kim-vân-Kiều (*bài nối*)

Xưa nay vẫn chép :

Sớm khuya hầu-hạ đài-doanh,
Tiểu thư trông mặt, đè tình hỏi tra.
Lựa nhời nàng mới thưa qua ;
« Phải khi mình lại xót-xa nỗi mình ».
Tiểu-thư hỏi lại Thúc-sinh :
« Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao ».
Sinh đà rát ruột như bào,
Nói ra chẳng tiện, trông vào chẳng đang !
Những e lại lụy đến nàng,
Lấy lòng (có bản chép là *đánh liều*) *mới sẽ liệu đường hỏi tra.*
Cái đầu qui trước sân hoa,
Thân-cung nàng mới thảo (*dâng*) *qua một tờ,*
Diện-tiền trình với tiểu-thư,
Thoát xem nhường cũng ngẩn-ngơ chút tình.

Mười hai câu ấy, không kể câu trên và câu dưới, bản trong kinh của cụ đình nguyên Đào nguyên Phổ đem ra, thì viết ra mười bốn câu khác, như sau này (chép theo *Đoạn trường tân-thanh* của cụ Kiều oánh Mậu :

Sớm khuya hầu-hạ đài-doanh,
Nét sầu khôn gượng, lệ tình còn hoen.
Tiểu-thư trông liếc quở liền :
« Sa mày nặng mặt, bởi duyên-cớ gì ? »
Bì-tiên giao lại một khi :
« Cậy chàng hỏi nó rằng vì làm sao ? »
Sinh đà ruột xót như bào,
Nói ra chẳng tiện, trông vào chẳng đang !
Loanh-quanh co rụt chân giường,
Sợ đây thương đó, hai đường chưa xong.
Dưới thềm trên ghế đều trông,
Một nhời chưa mở, hai dòng đã sa.
Lấy lòng giả cách hỏi tra,
Thân-cung nàng đã thảo qua một tờ.
Xem rồi đưa lại tiểu-thư,
Thoát trông, nhường cũng ngẩn-ngơ chút tình.

Tuy ý nghĩa giống nhau, nhưng 14 câu này nghe có lẽ rõ hơn ; ngay như câu « Nét sầu khôn gượng » đã rõ được hoạn-thư thấy Kiều hãy còn ngấn nước mắt khóc nên đưa roi (*bì tiên* là roi da) cho Thúc-sinh bảo tra hộ. Trong 12 câu trên không có ý khóc và không nói rõ đưa roi ; nhưng có lẽ hay ở chỗ kín đáo ấy.

Ấy mới gan, ấy mới tài,
Nghĩ càng thêm nỗi sởn gai rụng-rời.
Người đâu sân-sắc nước đời,
Thảo nào chàng Thúc *ra người bó tay !*

Chữ *sởn gai* cũng như *rởn tóc gáy*, nghĩa là sợ quá, do chữ nho : « Bì thượng khởi luật như cức » trên da nổi sợ như gai. Những bản viết là *đắng* cay thì không đúng nghĩa (nhời chua của cụ Kiều-oánh-Mậu).

Chữ « Thảo nào chàng Thúc », các bản đều viết « Mà chàng Thúc phải », tuy ý nghĩa cũng như nhau, nhưng giọng văn thì bốn chữ « Thảo nào chàng Thúc » hay hơn nhiều.

Lánh xa trước liệu tìm đường,
Ngồi chờ nước đến bằng dường *còn khuya !*

Hai chữ *bằng dường* có bản viết là *chân giường* có quyển viết là *nên dường*. Dùng chữ *chân giường* là vì có câu tục ngữ « nước đến chân mới nhảy ». Nhưng theo giọng văn, thì nên lấy chữ *bằng dường* hay hơn.

« Rộng thương cỏ nội hoa hèn,
« Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau ».
Nghe nhời vừa ý gật đầu,
Cười rằng : « Tri-kỷ thấy âu *mấy người ?*
« Khen cho con mắt tinh đời,
« Anh-hùng biết giữa trần-ai mới già ! . . . »

Chữ *thấy âu* ở câu thứ tư, các bản đều viết là *trước sau* : thế thì trùng vận với chữ *mai sau* ở câu thứ hai.

Câu thứ sáu có chữ *biết* : bản thì viết là chữ *đừng*, bản thì viết là chữ *đoán* ; *đừng* thì không có nghĩa, vì câu này khen Kiều có con mắt tinh đời, *biết* người anh hùng trong giữa trần ai ; nguyên có câu chữ Hán ở bản *Kim-vân-Kiều* của thanh-tâm tài nhân như sau này : « Minh-sơn tiếu đạo ; « Khanh trần-ai trung, vật sắc anh hùng, mạc thác nhận giã. » Thúy-Kiều đạo : « Giá song mâu, thị *thức* anh hùng đích nhỡn tình hảo, bất nhận đắc chân », nghĩa là : Minh-sơn, tức Từ-Hải, cười nói rằng : « Trong đám trần ai, trông người anh hùng, chớ nhận nhầm. » Thúy-Kiều nói : « Hai con ngươi này đích là con ngươi *biết* người anh hùng, chẳng nhận nhầm đâu. »

Còn nữa

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Muốn làm giàu, mua vé số
Đông-Pháp
1p00 một vé

Phép đổi năm âm-lịch và dương-lịch

của Hoàng xuân-Hãn

Ai đã khảo-sát về sử-ký ở Đông-phương đều thấy sự bất tiện của cách chép năm bằng lối Can-chi của Trung-quốc và của ta. Cho nên mỗi khi phải đổi ra lối chép theo dương-lịch để cho tiện so-sánh. Cũng có lúc, ta biết năm theo dương-lịch, nhưng lại muốn biết năm âm-lịch đối chiếu là năm nào.

Từ trước đến giờ, phần nhiều người phải tự tính lấy một cách phiền-phức và không chắc chắn. Hoặc có kẻ có bảng kẻ chăng nữa, thì những bảng ấy thường cũng rườm rà và kềnh càng.

Tôi đã từng đặt ra một cách rất là giản-tiện, và đã thử dùng trong khi khảo-sát các sách sử-ký. Nay tôi công-bố ra đây, mong giúp ích ít nhiều cho những người trong nước đọc hay viết sử.

BẢNG SỐ. — Ta biết rằng mỗi năm dương-lịch gồm có hai phần : phần trên là số thế-kỷ, phần dưới là phần năm lẻ. Tôi sẽ gọi tắt là *phần thế-kỷ* và *phần lẻ*. Hãy xem bảng số sau này : trong các ô, là chép *phần lẻ* từ 0 đến 99 ; chép theo thứ tự, nhưng phải đi theo chiều chéo góc từ tả — trên đến hữu — dưới. Còn *phần thế-kỷ* thì chép vào ba hàng và ở bốn góc bảng. Hàng trên có *phần thế kỷ* (1) 17, 14, 11, 8, 5, 2, cứ cách nhau ba thế-kỷ một. Hàng kế dưới thì có *phần thế-kỷ* 18, 15, 12, 9, 6; 3, 0 ; và hàng cuối cùng thì có chép những *phần thế-kỷ* 19, 16, 13, 10, 7, 4, 1.

Ta lại biết rằng năm dương-lịch chép bằng hai chữ : chữ trên là một chữ trong mười *Can*, chữ dưới là một chữ trong mười hai *Chi*. Chữ *Can* thì chép ở hai cột hai bên, chép cách so-le cho dễ tìm. Còn chữ *Chi* thì chép trong ba hàng thuộc về *phần thế-kỷ*.

Những chữ *Can* và *Chi* tôi đều viết bằng chữ Hán cho gọn và đẹp mắt. Nếu ai không quen thì có thể dùng lối viết tắt sau này : *Mười Can* là G Â B Đ M K C T N Q, và *mười hai Chi* là Tý Sư Dn Ma Th Tị Ng Mu Tâ Du Tu Hơ.

CÁCH DÙNG. — 1· *Đổi dương-lịch ra âm-lịch.* Ví dụ đổi năm 1863. Ta bắt đầu kiếm *phần lẻ* 63 trong bảng, rồi nhìn ngang hàng số 63 thì thấy chữ Quý. Đó là *Can* của năm 1863. Sau lại ta nhìn dọc cột số 63, thì ta thấy chữ Hợi trên hàng *phần thế-kỷ* 18. Đó là *Chi* của năm 1863. Vậy năm 1863 là năm Quý-hợi. (Tôi viết tắt Q-hơ).

2· *Đổi âm-lịch ra dương-lịch.* Ví dụ đổi năm Cảnh-hưng Nhâm-ngọ (tôi viết tắt N-ng). Ta biết trước rằng Cảnh-hưng về *phần thế-kỷ* 17. Ta xem hàng thuộc *phần thế-kỷ* 17, rồi kiếm chữ Ngọ. Ta thấy có những số 2, 14, 26, 38, vân vân. Cùng hàng với những *phần lẻ* ấy có một chữ *Can*, mà chỉ có số 2 và 62 là thuộc về can Nhâm. Vậy, ta thấy hai năm 1702 và 1762. Nhưng ta lại biết rằng Cảnh-hưng ở về nửa sau thế-kỷ. Vậy năm Cảnh-hưng Nhâm-ngọ là năm 1762.

Muốn dùng bảng này về những thế-kỷ trước Jê-du cũng được. *Phần thế-kỷ* thì phải chép nối thêm vào bảng trên. Ví dụ hàng đầu : 8, 4, 2, 0 trước, 3... Còn về *phần lẻ* thì lấy phần bù cho đủ 100. Ví dụ 324 trước Jê-du. *Phần lẻ* là 76 và *phần thế-kỷ* ở hàng cùng với phần 17. Vậy năm ấy là năm B-tâ.

HOÀNG XUÂN-HÃN

1· *Phần thế-kỷ 17 lại thuộc về thế-kỷ thứ 18 (ví dụ 1723).*

Các bạn thiếu-niên vừa bước chân ra khỏi học đường đừng bỏ qua mà chẳng đọc :

« *Tiền và thương mải* »

và

«*Chiến thuật con buôn*»

Nó là loại sách thiết-thực ASAU và cũng là bạn thân của những người có chí và có máu Annam đứng-đắn.

MAISON ASAU

72, Rue Chaigneau, Saigon

CẦN PHẢI ĐỌC :

TRÊN ĐƯỜNG NGHỆ THUẬT...

Văn học bình luận của

VŨ NGỌC PHAN

Để hiểu biết *nghệ thuật viết*, phân biệt các *loại văn* và *đặc tính văn chương* của Pháp, Anh, Trung-Hoa, Việt-Nam v. v...

Dày : 200 trang giá : 1p50

MỚI CÓ BÁN :

BÀ QUẬN MỸ

Lịch sử tiểu thuyết của CHU THIÊN

Tác giả cuốn « Bút Nghiên ».

Cả một thiên tình sử đẫm lệ.

Cả một tấm gương sáng cho phái nữ-lưu.

Dày : 180 trang — Giá : 1p00

Tập Kiều

của TÚ POANH

Tập văn giá trị ; Có 8 phụ bản của họa sĩ Nguyễn Đức Nùng

Giá 1p00

« NGUYỄN DU » xuất bản

Đường 206bis số 11, Hà-nội

VŨ-NGỌC-PHAN

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

Toàn bộ 4 quyển — Mỗi quyển 2p

Loại sách đẹp giấy lụa đó 10p

Đã có bán quyển I

Những nhà văn hồi mới có chữ quốc-ngữ — Nhóm « Đông-dương tạp chí » — Nhóm « Nam-Phong tạp-chí ».

Có 12 bức ảnh các nhà văn

Xuất bản trong « Tủ sách Tao Đàn »

Nhà Xuất-bản Tân-Dân

Mua sách xin gửi tiền trước, cả cước mỗi quyển là 0p30.

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

Mandat gửi về : Nhà in Tân-Dân

99, Phố Hàng Bông Hanoi

Đang in

VIỆT-NAM CỔ VĂN HỌC SỬ

tác giả Nguyễn đổng-Chi, *tựa của* Trần-v-Giáp

Lời bạt của HUỲNH THÚC-KHANG

500 trang — Bìa của Nguyễn đỗ Cung —

Giá 4p50 — Bản Impérial d'Annam : 25p —

Bản dó lụa sông Thao : 20p —

Bản Super Glacé ; 15p

Ai gửi tiền mua trước ngày 1er Octobre 1942 sẽ được trừ 10 % và không phải trả tiền bưu phí

HÀN-THUYÊN

— 71 Tien Tsin Hanoi

Dịch Hán-văn

TIỀN XÍCH-BÍCH PHÚ

của TÔ ĐÔNG-PHA

Xưa nay, đã có nhiều người dịch bài phú Xích-bích, nhưng toàn dịch bằng thể văn ngâm. Nay bản chí lục đăng bài sau đây của ông Sơn-Mai dịch bằng thể văn truyện

Ngày rằm tháng bảy vừa qua,
Giữa năm Nhâm-tuất, khách, ta mấy người,
Chiều thu gió mát êm giời,
Thuận giòng Xích-bích thảnh thơi một chèo,
Chén quỳnh chủ khách dập-dìu,
Đọc thơ Minh-nguyệt ra chiều nhớ ai;
Ngâm chương Yểu điệu bồi-hồi.
Phút đâu giăng đã hé ngoài non đông.
Hai sao ngưu, đẩu, xa trông;
Bạc phau một sắc ngang sông sương mù.
Nước mây hòa nhạt về thu,
Thuyền con một lá, như ru giữa giòng,
Vượt muôn làn nước mênh-mông,
Tưởng chừng cưỡi gió lên không nhẹ-nhàng,..
Thoát bay nào biết mấy từng,
Hình như mọc cánh thẳng đường lên tiên.
Rượu vui, tay gõ mạn thuyền,
Nghêu-ngao, theo dịp, một thiên xướng hòa.
Hát rằng: Nước ánh giăng sa,
« Gầm lan, chèo quế, đưa qua ngược giòng.
« Vì ai ta trạnh tấc lòng,
« Nhớ nhung người đẹp, xa trông bên giời. »
Khách nghe lấy sáo họa chơi,
Giọng đâu ai-oán như người khóc thường;
Chót bài tiếng hưởng còn vang,
Nghe lâu không dứt tơ vương càng dài.
Xui cho gái góa lệ rơi
Và giao long cũng bồi-hồi múa-may...
Ta nghe, xốc áo, ngồi ngay,
Hỏi rằng: « tiếng ấy thế này tại sao » ?
Khách rằng: « Sáng nguyệt, thưa sao,
« Về Nam, quạ vỗ dào dào trên không:
« Ấy thơ Mạnh-Đức phải không ?
« Phía tây Hạ-khẩu, phía đông Vũ-thành.
« Non sông cây cỏ rợn xanh:
« Ấy nơi quân Tháo tan tành vì Chu!
« Nhớ khi Tào phá Kinh châu,
« Từ Giang-lăng xuống, nhặt mau xuôi giòng,
« Thuyền bè nghìn dặm sang đông.
« Phất-phơ kỳ-xí, mênh mông rợp giời.
« Trên sông chuốc chén đầy vơi,
« Cầm ngang ngọn dáo, vịnh ngài vần thơ,
« Anh-hùng cũng một kiếp xưa,
« Thế mà chẳng thấy bây giờ ở đâu!
« Huống chi tôi, bác cùng nhau
« Đẵn cây rừng nọ, thả câu bến này,
« Bạn cùng tôm cá, hươu nai,
« Thuyền nan một lá, rượu vơi lưng bầu.
« Thân ta hạt thóc bể sâu!
« Kiếp ta nhỏ-mọn phù-du dưới giời!
« Thương thay ngắn ngủi cuộc đời,
« Khen thay dằng dặc sông dài muôn thu!
« Cùng tiên muốn được ngao-du,
« Muốn ôm trăng sáng mà ru lâu dài.
« Biết rằng việc chẳng như lời
« Cho nên gió giãi gửi nơi gió sầu. »
« Nghe xong ta đáp vài câu:
« Vừng giăng, giòng nước khách đâu chưa tường:
« Nước kia chảy mãi không ngừng,
« Thực ra một bước chưa thường có đi.
« Giăng kia tròn khuyết có thì
« Mà không thêm bớt một ly lục nào.
« Cứ suy nhẽ biến trông vào:
« Đất, giời một cuộc khác nào chớp qua.
« Từ nơi không biến xem ra:
« Mới hay muôn vật với ta vô cùng.
« Khen, chê, chớ vội bận lòng,
« Biến hay không biến, chỉ trong hai nhời,
« Vả chăng muôn vật ở đời,
« Cứ xem mỗi vật, mỗi người chủ trương.
« Vật tuy nhỏ mọn tầm thường
« Ta không phải chủ, ta đừng lấy không
« Chỉ riêng miền núi trăng trong
« Với cơn gió mát, giữa giòng thoảng đưa!
« Mắt trông màu nổi tỏ mờ,
« Tai nghe tiếng dạo nhặt thưa mọi chiều:
« Ta dùng không hết còn nhiều,
« Tha hồ ta lấy ai nào cấm ai.
« Ấy kho tạo vật-chất đầy,
« Mà tôi với bác đêm ngày vui chơi »
Khách nghe thêm chén tươi cười,
Tiệc tan chưa cất tiếng người đã yên,
Cùng nhau tựa gối ngủ quên
Vừng đông đã rạng trong thuyền còn mê!

SƠN-MAI dịch

Du-ký

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA BỂ

Số 6

NHẬT-NHAM

GIA-đệ tôi là một người rất am hiểu địa thế, dân tình, một ông quan đã săn sóc đến dân, đã từng đi kinh-lý các miền, nên sau khi tôi hỏi đến, đều ứng khẩu thuật cho tôi nghe những điều mắt thấy, tai nghe, những sự quan sát trong các cuộc kinh lý một cách rõ-ràng, khúc triết :

— Bản-ti thuộc tỉnh Bắc-kạn. Bản-ti không có lịch-sử riêng. Anh muốn biết lịch-sử Bản-ti, cănphải biết lịch-sử chung vùng Bắc-kạn. Em thuật qua lịch-sử Bắc-kạn anh nghe :

Trước hồi bảo-hộ, chưa có tỉnh Bắc-kạn. Bắc-kạn mới thành lập từ năm 1900. Vì vậy mà lịch-sử tỉnh Bắc-kạn là lịch sử miền thượng du xứ Bắc-kỳ. Ngày nay, không còn một di tích gì có thể biểu lộ thời kỳ dĩ vãng của miền này một cách rõ ràng. Theo ký ức các cố lão, thì xưa miền này đã từng là một bãi chiến trường to rộng, để các đảng cường khấu tung hoành.

Tàu và ta từ bao năm thường giao-chiến để tranh ngôi bá chủ miền này, nhưng hai bên đều bất phân thắng phụ, cho mãi tới cuộc chiến tranh Pháp — Hoa, hòa ước ký tháng Mai 1884, mới giải quyết xong một vấn đề kéo dài qua bao thế kỷ.

Thế kỷ thứ XVII, tỉnh Bắc-kạn đã làm sào huyệt cho quân nhà Mạc chống lại nhà Lê. Sau một *cuộc thắng trận gần miền Chợ* Dã, nhà Mạc đóng hành doanh tại Cao-bằng và quyền lực lan rộng đến vùng Bắc-kạn cho tới năm 1677.

Năm 1837, quân đội Nam-triều bị giặc Khách đánh thua gần Thông-hoa-phủ (phủ Thông ngày nay) và rồn xuống Thái-nguyên.

Từ hồi ấy, quân Tàu làm chủ tung sơn vùng Bắc-kạn, thu thuế, bắt dân chịu nhiều tạp dịch rất khổ sở (như việc khai mỏ), chiếm đoạt ruộng đất phi nhiêu, cướp đàn bà, trẻ con, súc vật đem bán sang Tàu.

Trong khi dân vùng Bắc-kạn đương chịu nhiều điều lầm than điêu đứng, thì nước Pháp đem quân lên đánh đuổi quân Tàu, bình hết các đảng khấu, lập lại nền trật tự, đem lại cuộc thái bình thịnh trị cho dân chúng.

Các hạt trị cũng bắt đầu đặt ra từ đó để giữ gìn sự trị-an trong xứ.

Bản-ti cũng như các hạt, mới xuất hiện độ vài chục năm nay để duy trì nền trật tự trong một miền có nhiều dân phu các vùng di-cư đến làm với công-ty mỏ kẽm.

Bản-ti lập ngay gần địa-giới tỉnh Tuyên-quang và tỉnh Thái-nguyên, cho nên việc cai-trị rất khó khăn.

Hạt Bản-ti *sơn* xuyên hiểm-trở, sự giao-thông thực là vất vả. Không kể đường hỏa-xa của công-ty mỏ kẽm nối chợ Đồn với Đầm-hồng thuộc châu Chiêm-hoa (Tuyên-quang), Bản-ti có hai *đường cái quan : một đường qua châu chợ Đồn ra Bắc-kạn dài 70* cây số, một đường đi Đài-thị (châu Chiêm-hóa). Ngoài ra có *ba đường tiểu-lộ : một đường* giao thông với châu chợ Rã qua *hồ Ba-bể ; một đường nối với* châu Chiêm-hóa (Tuyên-quang) và một đường tới châu Định-hóa (Thái-nguyên).

Lâm-sản có nâu, vỏ dó, mộc-nhĩ, sa-nhân. Gỗ quý thì có gỗ nghiến, gõ chò, gỗ dổi, gỗ gio, gỗ đinh, gỗ dẻ và gỗ xoan.

Khoáng-sản cũng sẵn : kẽm, chì, sắt, đồng, nhưng kẽm nhiều hơn cả.

Sơn-lâm có nhiều muông thú như gấu, sơn-dương, nai, hoẵng, lợn rừng, chó sói, dím, vân vân, và các giống chim có thể săn bắn được ; gà rừng, gà lôi, gà tiền, gà gô, gà sò, chim ghì, chim gáy, cuốc, bìm-bịp, phượng - hoàng đất, chim mỏ múa.

Tiểu-kỹ - nghệ có nghề dệt vải, đan chài, đan gầu sàng, nong nia, liếp bằng tre và nứa, nghề thợ mộc, nghề nấu mật mía, song tầm-thường không lấy gì sàm tinh-xảo.

Việc mục - súc như gà, vịt, ngan, ngỗng, trâu, bò, dê, ngựa rất phát-đạt. Vịt trong hạt thịt rất ngon.

Sự giao-dịch với mấy tỉnh lân-cận Tuyên-quang, Thái-nguyên cũng không được phồn - thịnh cho lắm.

Có hai chợ mỏ họp vào những ngày chủ-nhật. Hiện đương mở thêm nhiều chợ trong hạt để tiện sự mậu-dịch.

Kỳ thủy, thổ-dân ở trong hạt thuộc về hoàng-chủng, lần-lượt có người Mán, người Khách và người Nam di-cư đến cho tới ngày nay.

Hai giống Mán Cóc và Mán Tiền đến ở trong hạt được 6 đời nay (ước ngoại hai trăm năm), từ miền Nam Trung-hoa di-cư sang. Mán Cóc ở lơ-thơ mỗi nơi vài nhà; còn Mán Tiền thì ở gần nhau, đông-đúc.

Dân trong hạt dùng 6 thứ tiếng Thổ, Nùng, Khách, Kinh (An-nam), Mán Cóc và Mán Tiền. Tiếng Kinh thông-dụng hơn cả ; còn đồng-âm, đồng-loại có tiếng Thổ, tiếng Nùng cùng tiếng Mán Cóc và Mán Tiền. Thí-dụ : *Tôi ra chợ chơi :*

Mán Cóc nói : *Dia minh hây ắt dạo.*

Mán Tiền nói : *Dia minh hảng ắt dạo.*

Tiện đây, xin kể rõ cách ăn ở của từng giống người trong hạt :

A — Người Thổ

a) *Cách ở :* Phần nhiều thích ở nhà sàn, dưới nuôi súc vật như trâu, bò, gà, vịt, lợn, vân vân.

b) *Cách ăn :* Trừ khi đi được chợ mua các thực-phẩm, còn ngày thường đều dùng rau tự giồng lấy hay tìm kiếm ở trong rừng.

c) *Cách mặc :* Phần nhiều mặc các đồ xanh, dệt lấy hoặc mua vải trắng ở chợ về nhuộm chàm. Ít lâu nay, độ 3 phần 10 đàn ông *được đi các nơi xa, trực-tiếp với* người Kinh, đã thích dùng vải chúc-bâu và tơ-lụa. Đàn-bà phần nhiều cũng mặc đồ nâu hay đồ thâm.

d) *Cày cấy :* Mỗi năm có một vụ lúa và hai vụ ngô, tùy nhà giàu, nghèo, cấy nhiều hay ít. Các thứ hoa - mầu khác : đỗ, vừng, sắn, giồng chỉ đủ dùng mà có ít nhà giồng thôi.

B — Người Nùng

Người Nùng rất ít, tự xa đến làm thuê, gánh mướn, hoặc làm phu các mỏ, không có nhà cửa nhất định. Cách ăn cũng như người Thổ. Cách mặc, cũng dùng đồ xanh, song áo ngắn, tay rộng, tương tự như người Khách, đầu chít khăn.

C.— Người Khách

Người Khách buôn bán ở các nơi ly-sở : buôn tạp-hóa, giết lợn, bò, hoặc làm vườn giồng rau, khoai, mía làm kế sinh-nhai.

D — Người Kinh

Người Kinh buôn bán trong các chợ và làm phu cho mỏ. Không cầy cấy và giồng-giọt gì.

Đ — Người Mán Cóc

a) *Cách ở :* Nhà cửa hay làm trên núi cao và xa nước ; chuồng gà, chuồng lợn đều làm ngay ở hè nhà ; thóc lúa thì bắc sàn lên sà nhà mà để.

b) *Cách ăn :* Quanh năm, chỉ cần có muối và mỡ, còn đều dùng rau giồng lấy hoặc kiếm ở trong rừng.

c) *Cách mặc :* Đàn - bà thích dùng đồ đỏ : Khăn, áo, yếm, quần đều thêu bằng chỉ đỏ. Trên đầu, vấn tóc như đàn bà Thổ, ngoài tóc quấn sợi khăn hoa đỏ (bằng vảic hàm thêu chỉ đỏ chung quanh) đầu khăn đính mấy sợi giây xanh, đỏ, tím, vàng.

Áo vải thâm dùng những sợi nỉ đỏ làm thành tua, cùng các thứ hột bột ngũ sắc, đơm vào hai bên vạt đằng trước và hai bên tà áo đằng trước và đằng sau chỗ nách xuống, mỗi chỗ là năm cái tua dài ước 20 phân tây Áo không có vạt cả, từ cổ trở xuống thắt lưng đằng trước, hai bên ngực đều tết thành từng túm nỉ đỏ như bông hoa hồng, mà khâu xếp hàng xuống đến thắt lưng.

xem tiếp trang 78

Đàn-bà Thổ quay xa đánh ống
(Tranh vẽ của họa sĩ Trịnh-Vân)

Kỷ-niệm cụ Nguyễn-Du

CỤ TIÊN ĐIỀN VỚI CHÚNG TA

Mồng 10 tháng 8 âm-lịch, tức ngày 19 Septembre, là ngày giỗ cụ Nguyễn-Du. Nhiều nơi như Hà-nội, Huế, Qui-nhơn, Saigon và Cần-thơ đều có « đốt lò hương », đọc diễn văn, tỏ lòng ghi nhớ đến nhà đại văn-hào đã «để» được tập truyện Kiều là áng văn chương bất hủ.

Tri-Tân, nhân gặp cái ngày quan trọng trong lịch sử văn học cận đại ấy, đã viết một loạt bài về Nguyễn-Du và truyện Kiều ở số 63 rồi. Nay xin lần lượt đăng thêm mấy bài diễn văn trọng dịp kỷ niệm cụ Tiên Điền để các bạn cùng xem.

Dưới đây là nguyên văn bài của bạn Hội Thống Vũ Văn Lợi đã đọc tại hội quán Tri Tri. Hanoi. — T.T.

TRƯỚC đèn lần giở pho quốc - sử, thấy những trang oanh-liệt, vẻ - vang làm cho ta phấn-khởi, tự hào cũng đã nhiều, mà những đoạn bi-đát, ảm-đạm, khiến ta chau mày rơi lụy cũng không phải ít. Vừa lâm - ly, thống-thiết, vừa vẻ-vang oanh-liệt, có lẽ là về khoảng cuối thế-kỷ thứ 18, hồi Lê-mạt. Không lúc nào tình-thế trong nước bối-rối, lòng người ly-tán bằng lúc này.

Xuất thân áo vải- cờ đào- Tây-sơn Nguyễn-Huệ vừa đại thắng mười vạn quân Thanh khiến cho Lưỡng Quảng Tổng-đốc Tôn Sĩ Nghị chạy dài, không còn mảnh giáp. Vua Lê Chiêu-Thống lâm vào cảnh nước mất, nhà tan, buộc lòng phải trốn sang Tàu, cùng với ít bầy tôi tòng vong trung-thành đặng lo bề khôi-phục,

Trong bọn cố Lê thần tử ấy, có một trang thanh-niên anh-tuấn, chí khí hiên ngang, theo ngự giá không kịp. Vốn dòng dõi trâm-anh, thế-phiệt, thi thư khoa hoạn nối đời, mấy trăm năm ăn lộc của nhà Lê mà nay trong lúc bại vong không giữ vẹn được hai chữ trung quân, ái quốc, chàng thanh - niên kỳ - sĩ đành nuốt hận trở về đất Sơn-Nam Nhôi một hoài-bão lớn lao trong lòng, rắp toan những sự lấp biển, vá trời, tụ tập những kẻ hào mục trong xứ, mưu-tính sự khôi phục cơ đồ, để gọi là báo đền chút ơn tri-ngộ của quân vương. Nhưng vận nhà Lê đã đến hồi suy, nhân-tâm chán nản, nên đại - sự không thành.

Trở về qua nhà, ở Tiên - Điền, chàng cố-gia công-tử mới ngoài 20 tuổi ấy vẫn chưa chịu thua số-mệnh Ôm một bầu nhiệt-huyết, lại toan mưu vào Gia-định theo đức Cao-hoàng, cũng một ý - nguyện như trước. Chẳng may cơ-mưu bại - lộ, để Trấn - tướng Tây-sơn là Thận-quận - công bắt được, phải giam cầm hai tháng mới được tha về.

Đau đớn thay ! Hai lần mưu-tính hai tần thất bại, vừa giận lại vừa buồn, giận vì tri-nguyện bình-sinh không đạt được, buồn vì non sông mờ gió bụi, tương lai mịt - mùng thiếu-niên cảm thấy cuộc đời gần như vô-nghĩa, bèn lui về quê nhà ngao du săn-bắn, bạn với gió trăng tạm khuây cùng non nước. Nên có biệt hiệu là Hồng-sơn liệp - hộ, Nam-hải điếu đồ.

Chàng thiếu-niên hào-hoa phong-nhã, tài mạo tót vời ấy, chính là Nguyễn-Du vậy.

Từ đấy khắp 99 ngọn núi Hồng-lĩnh, không chỗ nào là Hầu (1) không để lại ít nhiều vết chân dấu ngựa. Những buổi chiều tà, vi - lô hiu hắt, gió chiều như gợi cơn sầu, Hầu thường một mình thơ - thẩn bờ sông Lam, nhìn theo giòng nước biếc, cuồn cuộn chảy ra bể Đông, mà trầm tư mặc tưởng, rộn đường gần với nỗi xa bời bời. Nỗi lòng u-ẩn, kín chẳng ai hay. Chung quanh vẫn đất nước nhà, ai tri-âm đó mặn mà với ai ?

« Tính làm sao cho trung, hiếu lưỡng toàn được bây giờ ?

Hầu tự hỏi thế, và chợt nhớ bài văn mấy năm về trước, khi còn năng đi về xã Trường lưu nghe con gái phường vải vi hát, Hầu cất tiếng khẽ ngâm :

« *Hồng-sơn cao ngất mây trùng,*
« *Đò Cài mấy trượng thì lòng bấy nhiêu* . . . »

... Trải bao thỏ lặn, ác tà, tơ vò đòi đoạn, tuế nguyệt tiêu ma.,.

Năm Nhâm tuất 1802, đức Cao Hoàng ngự giá ra Bắc sau khi đã dẹp yên bốn cõi, giang sơn thu về một mối. Qua Nghệ an. Ngài cho vời các dòng dõi cựu thần nhà Lê ra Lục dụng. Thế không đừng được, và cũng để tránh mọi nỗi hiềm nghi, cực chẳng đã Nguyễn Du phải xuất đầu lộ diện. *Dùng dằng khi bước chân ra, cực trăm nghìn nỗi, dặn ba bốn lần...*

Sau này, khi soạn tập *Đoạn trường tân thanh*, Nguyễn Du sẽ nhớ lại cả một thời niên thiếu với những mưa sầu, gió thảm, đã âm thầm, lặng lẽ sống một sự chờ đợi, ước mong, với những nỗi đau lòng vì cuộc bể dâu biến đổi, thế sự thăng trầm.

Cho hay : « *Văn thanh cầm tú trong đời, Những câu tuyệt-diệu ấy lời xót-xa* » (2).

Đá kia không luyện sao vá được trời ? Chính nhờ có những đoạn khổ, tình thương, những tình tiết ai-oán, những nỗi u-uất chứa-chất trong tâm-khảm ấy, mà Nguyễn-Du sẽ trở nên một nhà đại-thi-hào làm rạng-rỡ cho non sông Đại-Việt.

Vượng-khí Hồng-sơn Lam-thủy vẫn đã từng sản-xuất được nhiều bậc vĩ-nhân, tuấn-kiệt, không đến nỗi thưa-thớt như sao buổi sớm. Nhưng đứng về phương-diện văn-chương mà nói, thì giải nhất phải nhường cho Nguyễn Du, vì tập *Đoạn-trường tân-thanh* rất xứng-đáng là « tiêu-biểu tinh-hoa của cả một dân-tộc » vậy Phạm Quỳnh.

. . . Bóng bạch câu vi-vút, thế cuộc tựa chiêm bao. Mùa thu năm canh-thìn Minh-Mệnh nguyên niên 1820, ngày mà quan Lễ bộ Hữu tham-tri Nguyễn Du mệnh chung ở Huế, thọ 56 tuổi, cũng là ngày mà tác-giả tập *Đoạn-trường tân thanh* đi vào lịch-sử của đất nước, nghĩa là đi vào cõi bất-tử.

Trong các câu đối phúng, ta nhận thấy câu :

« *Nhất đại tài hoa, vi sứ, vi khanh sinh bất thiểm* ;
« *Bách niên sự nghiệp, tại gia, tại quốc tử do vinh* ».

Tài hoa một bực ai tày, làm sứ, làm khanh sinh chẳng phụ ;

Sự-nghiệp trăm năm để lại, ở nhà, ở nước thác còn vinh.

Tóm-tắt có 22 chữ mà như vẽ ra được cả một tâm lòng son của nhà đại thi hào có tài kinh-luân tế thế, kể cũng đã công-phu lắm

Lịch-sử, hành-trạng, văn-nghiệp và tâm-sự của cụ Tiên-Điền thế nào, đã được bàn đi nói lại một cách xác-đáng không biết đến bao nhiêu lần rồi Vì muốn nhắc lại kỹ càng, tất phải đến mấy buổi nói chuyện chưa chắc đã đủ.

Mà thực ra, có phải mỗi năm, cứ đến ngày hôm nay, tháng này, chúng ta mới trạnh nhớ đến Tố Như Tử đâu ? Trong cuộc sinh-hoạt đều đặn, bình thản, hay ồn ào, kịch-liệt hàng ngày, chúng ta vẫn thường có dịp tâm-tưởng đến nhà Thi-sĩ thân yêu của chúng ta vậy. Nào những buổi bình-minh đầy hứa-hẹn, rực-rỡ huy-hoàng, hoa chào cỏ đón ; những chiều thu bảng-lảng, nhuộm sầu ly-biệt, đất khách ngậm-ngùi ; nào những đêm trăng mờ tỏ, một mình một bóng, chót vót trên đỉnh núi, gió thổi mây bay, hay mơ-màng trên bãi cát, biển biếc trời xanh, đối cảnh sinh tình ; trong khi sóng lòng dào dạt, hồn thơ lai-láng, thử hỏi chúng ta ai là người không từng thấy ngân vang trong ký-ức những vần-điệu thanh tao, bất hủ của cụ Tiên Điền ?

Tập *Đoạn-trường tân-thanh* không những là « một kho tình vô hạn » mà thôi Phạm Quỳnh), lại còn là một người bạn hiền, hằng khuyến-khích, an-ủi, khuyên răn, vỗ về ta, dạy ta biết đạo làm con hiếu, làm người có nghĩa, có nhân, biết nhẫn nại, nghe theo tiếng gọi thiêng-liêng của nghĩa vụ, lúc nào cũng sẵn sàng hi-sinh cho một lý-tưởng cao quý, biết yêu đời, tin tưởng ở tương-lai, và yêu những vẻ đẹp mong manh của vũ trụ, những cái mà ngàn muôn năm ta không được trông thấy hai lần.

Truyện Kiều — một áng văn-không tiền tuyệt hậu, cao thượng tuyệt vời — đáng liệt ngang hàng với những áng văn kiệt tác trong văn chương thế giới, và đáng để cho ta ngâm vịnh từ thủa trẻ đến tuổi già « Mỗi câu như mang nặng một gánh tương tư với đời» (Phạm Quỳnh). Nói thế tưởng không có gì là quá đáng cả.

Ngay từ tấm bé, tai chúng ta đã được làm quen với những câu thơ phong phú, nhịp nhàng, quyến rũ, trong như tiếng hạc, êm như gió thoảng, của nhà thi-hào chốn Hồng sơn La-thủy. Nếu không « *Đầu lòng hai ả Tố-nga...* » thì cũng « *Lần thâu gió mát trăng thanh...* », hay « *Tà tà bóng ngả về tây...* » hoặc « *Nửa năm hương lửa đương nồng...* ». Những điệu hát ru dịu dàng, thấm thía của các bậc cha, mẹ, thím bác từ ngày xa-xăm ấy, tưởng đâu dư ba còn văng-vẳng đến ngày nay.

Kịp đến 15,16, tâm hồn đang trong trắng, hi vọng về tương-lai đang còn chan chứa, mà đọc đến đoạn Thúy-Kiều bán mình chuộc cha, ta thấy xúc-động đến tận đáy lòng. Than ôi ! Tự cổ hồng nhan đa bạc mệnh, dưới gầm trời này, dù ở Đông bán-cầu hoặc Tây bán-cầu chăng nữa, những khách má hồng, người mặt trắng, gặp nhiều cảnh ngộ bất bình có lo, tim gan căm giận trời già, cũng đều phải chịu chung một số phận long đong như nhau cả.

còn một kỳ nữa

Hội-Thống VŨ-VĂN-LỢI

1, Đời Lê, còn các quan lớn được phong Hầu, nên cụ Nguyễn-Du lúc ấy gọi là Hầu, cũng như Ấm bây giờ Phan-Sĩ-Bảng và Lê-Thước.

2, Les plus desespérés sont les chants les plus beaux

Et j'en sais d'immortels qui sont de purs sanglots

A. de Musset — Nguyễn-Giang dịch — Xem Danh-văn Âu Mỹ.

Một kỳ sau, H.B. sẽ có bài đính-chính về bản Kiều án là của cụ Nguyễn văn Thắng chứ không phải của cụ Nguyễn Thắng là tên trước của cụ Yên-Đỗ.

SÁCH CỦA NHẬT-NHÂM
Trịnh - như - Tấu :
1 — Hưng yên địa chí Op.80
2 — Bắc giang địa chí 1 50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40
Đều có bán tại Đông Tây thư quán
195 Phố Hàng Bông — Hanoi

TỪ HÀ - NỘI ĐẾN HỒ BA - BỂ

Tiếp theo trang 13

Yếm thì làm bằng một miếng nỉ đỏ, ở ngực và từ cổ, còn dài xuống đằng sau lưng ước 30 phân tây nữa, xẻ đôi và cài khuy như yếm rãi của trẻ con vậy. Đằng trước ngực có 5 hoặc 6 miếng bài bằng bạc vuông chữ nhật, có chạm hoa khác nhau, ngang 4 phân tây, dài 8 phân tây, khâu xếp hàng từ cổ trở xuống. Còn chung quanh cổ và đằng sau lưng, lại có những cánh hoa nhỏ như cánh hoa hồi đính chung quanh cổ mà khâu xếp hàng đôi hoặc hàng một (tùy có ít hay nhiều), xuống cho đến hết cùng cái rải yếm đó.

Quần thì thêu hoa đỏ, vàng, trắng chung quanh ống quần, cao ước 20 phân tây. Thắt lưng vải chàm cũng thêu hoa hai đầu.

Đàn ông thì mặc áo vải xanh ngắn như người Nùng, không thêu hoa; chỉ đ ay có sợi khăn đội đầu cũng thêu như đàn bà, xong không đơm rải ở đầu khăn như đàn-bà.

d) *Cách cày cấy giống giọt:* Người Mán Cóc phát đồi làm rẫy, g'ồng lúa nương, ngô, vừng, kê, lúa mạch: đồng niên mỗi thứ một vụ, trừ ngô hai vụ

(còn nữa)

NHẬT-NHAM

Nhà in

TRI-TÂN

Nhận in đủ các việc

70, Bach-mai—Hanoi zône

Cải-chính

Trong Tri-Tân số 59, trang 21 về bản sách-dẫn, xếp sai hàng, xin đọc lại:

Công-Chúa chư tiên-vương T-2-36a
» Hưng-tổ 4 người S-3- 2a
» Thế-tổ cả thảy 18 người
(17 người tại) S-3- 5b
(1 người tại) N-9- 3a
» Thánh-tổ cả thảy 64, đăng đây 54 thiếu 10 người N-9- 3b
» Hiến tổ cả thảy 35, đăng đây 30 thiếu 5 người N-10- 3b

Và trong Tri-Tân, số 61, trang 12 và 13:

Cột 1, hàng thứ 35, Kompong Som chớ không phải Kompong-Thom.

Cột 2, ở bản đồ, Kokut chớ không phải Kokot. Cũng ở bản đồ, *Hòn Thổ-chu* phải ở chỗ hai chữ «*đề đi*» về cột 2, hàng thứ 13 bắt dưới đếm, lên chớ không ở phía *Ma'g*.

Cũng ở bản đồ, trên đảo Phú-quốc, *Mũi Đá-chồng* sử chép Điệp-thạch-dự chớ không phải My-Đao-Hong.

Sách báo mới

Tình Thúc giạ — 235 bài thi nôm của ông Ung Bình Thúc giạ thị, do tác-giả xuất bản, sách giấy ngót 200 trang, nhà Imprimerie Mirador Viễn đệ in. Xin cảm ơn tác giả và giới thiệu với độc giả.

Tin vắn

ĐÔNG-DƯƠNG

Cần-thơ. — Sáng chúa-nhựt 20 Septembre 1942 hồi tám giờ rưỡi, có cuộc lễ kỷ-niệm Nguyễn-Du rất long trọng do một nhóm thanh-niên trí-thức trong tỉnh tổ-chức. Mới bảy giờ mà rạp Casino Cần-thơ không còn một chỗ trống nào.

Bác-sĩ Lê văn-Ngôn chủ tọa. Có ba diễn-giả: Họa-sĩ Nguyễn văn-Mười nói về «*Nguyễn-Du nhà họa sĩ*»; Giáo-sư Nguyễn văn-Kiết nói về «*Nguyễn-Du và tâm-hồn người Việt-Nam*» và văn-sĩ Lê chơn-Tâm nói về «*Nguyễn-Du, nhà thi sĩ bình-dân*».

Ngoài ra còn có nam nữ học sanh Nam-Hưng bình Kiều, cô Dung ngâm thơ ca vịnh Kiều của thi sĩ Tố-Phang soạn; và ba nhạc-sĩ Cảnh, Hóa, Cam hòa nhạc Annam.

Kết quả rất mỹ-mãn. Một điềm tốt đáng mừng! Ước mong sao buổi nói chuyện có tánh cách hoài niệm cổ nhân này, như lời người chủ tọa đã nói, sẽ mở một kỷ-nguyên mới cho văn giới Tây-đô.

Đầm-ấm ánh thu

Lướt-thướt hơi may đuổi nắng vàng
Đầy vườn đầm-ấm ánh thu-quang.
Dịu-dàng muôn cánh hoa e-lệ
Nhè-nhẹ trời thanh, núi một hàng

∴

Hoa tím hồng thắm điểm vòm cây,
Dìu-dịu hơi hương gió thoảng đây.
Nước lặng hồ trong sòi bóng trúc;
Chập-chờn ong bướm tỉnh hay say?

∴

Màu đỏ nhuốm hoen sắc lá bàng,
Cành gầy ngơ-ngác chĩa nghênh-ngang.
Ít nhiều lá rụng đùa theo gió
Bay đến phương xa, gửi mộng vàng.

CỘ CẨM-LAI

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 36 **Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ**

NHỮNG ông đỗ đệ-tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân về khoa kỷ-sửu, năm Quang thuận thứ mười, 1469, từ số chín trở xuống, là những ông sau này :

9. — Nguyễn - đạt - Tế, người xã Bình-ngô huyện Gia-định, đỗ năm hai mươi tám tuổi, vâng mệnh đi sứ, làm quan đến tả-thị-lang (*Đăng khoa lục*, quyển *1* tờ *16* b).

10. — Nguyễn-nhân-Khiêm, người xã Lê-xá, huyện Nghi - dương, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương, đỗ năm hai mươi chín tuổi, làm quan đến Công-bộ đô-cấp-sự-trung (*Đăng khoa lục*, quyển *1* tờ *16*b ; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 86a).

11. — Nguyễn - thiện - Chương, người xã Nam-hoa-thượng, huyện Thanh-chương, phủ Đức-quang, tỉnh Nghệ-an. Đỗ năm mười tám tuổi. Làm quan đến phó - đô - ngự - sử. Khoảng năm Hồng-đức, vì lấy điều trung trực can vua, trạm ý vua, xin về trí-sĩ : lúc bấy giờ mới ba mươi ba tuổi (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, quyển Nghệ-an, tờ 23b). *Đăng khoa lục*, quyển *1*, tờ *16* b, chép ông làm quan đến hữu-thị-lang, vì can ngăn thẳng thắn, vua không nghe, ba ba tuổi về trí sĩ.

12. — Nguyễn-Lan. *Đăng khoa bị khảo*, Quyển Sơn nam, tờ 78b, chép là Nguyễn-tôn-Lan. Người xã Quang thừa, Huyện Kim-bảng, phủ Lý-nhân, Làm quan đến thừa tuyên-sứ. Sinh ra Nguyễn-Mạo ; phụ tử đăng khoa (*Đăng khoa lục*, quyển *1* tờ *16*b).

13. — Vũ-như-Tùng, người xã Bối trì, huyện Thanh - miện, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ năm hai mươi tuổi. Làm quan đến hiến-sát sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 17a) *Đăng khoa bị khảo* chép đỗ năm ba mươi mốt tuổi (quyển Hải - dương tờ 52a).

14. — Trần Bảo, người làng Trần-xá, huyện Nam sang, phủ Lý-nhân, tỉnh Sơn-nam. Năm Hồng-đức kỷ-hợi, *1479*, làm quan cầm y vệ phó đoán sự, phụng mệnh đi Trấn-ninh thời thường kinh hoạch về việc lương quân chinh tây. Làm quan đến Công-bộ thượng-thư, thiếu bảo Nam-quận công. Đến cháu xa là Trần-lương-Bật, di quán đến làng Cổ-am, huyện Vĩnh-lại, đỗ tiến - sĩ khoa giáp-thìn *1664* hiệu Cảnh-trị, đời vua Lê - Huyền - tôn, 1662 - 1671 (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn nam tờ 75a).

15. — Vũ-Thạc, người xã Vũ - la, huyện Thanh-lâm, phủ Nam - sách, tỉnh Hải-dương. Đỗ năm 29 tuổi. Làm quan đến hiến-sat-sứ (*Đăng khoa lục* quyển 1 tờ 17b, *đang khoa bị khảo*, quyển Hải dương tờ 65b).

16. — Đoan-hiến-Chân, người xã Ôn-xá, huyện Văn-giang, tỉnh Kinh-bắc, làm quan đến thượng - thư, kiêm Đông - các đại-học-sĩ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 17 a).

17. — Nguyễn-Chiên, người xã Yên-ninh, huyện Cẩm-giàng, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến Phụng-thiên phủ-doãn (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 28 b). *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 17 a, thêm một câu rằng : « Có chỗ chép ông Nguyễn-Chiên là người ở Hương-tô ».

18. — Đỗ-kim-Oánh, người phường Công-bộ, huyện Quảng - đức, phủ Phụng-thiên. Nhà ở xã Vũ-lăng, huyện Thượng-phúc. Năm hai mươi mốt tuổi, đỗ hội-nguyên khoa kỷ-sửu, 1469. Làm quan đến tham-chính (*Đăng-khoa bị-khảo*, quyển Phụng-thiên, tờ 106 a).

19. — Nguyễn-tất-Đại, người xã Kha-lý, huyện Thụy-anh, phủ Thái-bình, tỉnh Sơn-nam. Đỗ năm hai mươi chín tuổi (*Đăng-khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 1 b).

20. — Đàm - văn - Lễ, tự Hoằng-kính, hiệu Chân-trai, người xã Lãm-sơn, huyện Quế-dương. Đỗ năm mười tám tuổi. Được tuyển vào Đông các, phụng mệnh đi sứ ; khi trở về, được vua Lê Thánh-Tôn rất yêu dùng. Vua cùng thái-tử, các tước vương và trăm quan làm thơ thường đưa ông phê-bình. Làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư, tả-dụ-đức, kiêm Đông - các đại-học-sĩ, chưởng Hàn-lâm-viện-sự. *Khâm-định Việt-sử*, quyển 25, tờ 20 a, chép « xưa vua Lê Hiến-Tôn, 1497-1504, bị bệnh, Kính-phi ý muốn dựng vua Uy-mục, sợ đại-thần không theo, mới bèn đem vàng nói lót với Đàm-văn-Lễ. Đàm - văn - Lễ không chịu nhận. Kịp khi Hiến-Tôn mất, năm 1504, Đàm cùng Nguyễn quang Bật chịu tờ di-chiếu giúp hoàng-thái-tử Túc-Tôn lên ngôi, tức là con thứ ba vua Hiến-Tôn. Lúc bấy giờ các tước vương tranh nhau làm vua ; Đàm-văn-Lễ sợ biến, vội vàng vào tẩm-điện, lấy bảo (ấn) « truyền quốc » đem về nhà, lại cùng các đại - thần cùng lập Túc-Tôn năm 1504. Uy-Mục rất lấy làm căm tức. Đến năm ất-sửu, 1505, hiệu Đoan-thứ nhất, vào khoảng tháng năm, Uy - Mục cho Khương - Trùng và Nguyễn - như - Vi bàn mưu đầy Đàm-văn-Lễ và Nguyễn-quang-Bật đi thừa chính sứ Quảng-nam, đi đến sông Chân-phước (1), sai người theo, bắt ép tự-tử. Triều-thần cho là hai người ấy chết không đáng tội, nhiều người can ngăn. Uy-Mục, 1504-1509, đổ lỗi cho Như-Vi, rồi giết luôn Như-Vi ». Đến khi Tương Dực-Đế, 1509-1516, lên ngôi, truy phong và tế điếu. Cháu là Đàm-văn-Triết đỗ tiến-sĩ khoa canh-thìn 1580, hiệu Diên-thành nhà Mạc. Bộ *Toàn Việt thi lục*, quyển 11, tờ 26 a, còn sao được ba mươi ba bài thơ cận thể của ông Đàm-văn-Lễ, là những bài sau này : 1, Phụng mệnh đi sứ làm thơ lưu biệt các vị tiễn hành ; 2, Ngày trùng cửu nhớ Cố-sơn ; 3, Viếng vua Thánh-tôn ; 4, Đề chùa Phong công ; 5, Đề bức tranh chị em Triệu-Phi-Yến dựa nhau ; 6, Đề Mê lâu chín khúc, ý nói lầu to lớn, vào trong đó mê không biết đường ; 7, Đề đền Xiêu-mẫu ; 8, Vịnh gậy ông Đặng - Vũ ;

xem tiếp trang 20

LAM-SO'N

của VI-DUNG

TRÊN con đường nhựa từ Bái-thượng vào Thanh-hóa cách nhau chừng 54 cây số, chúng tôi ba người « lỏng buông tay khấu », khoan khoái vì thở cái không khí trong mát của bình minh ở nơi đồng quê, cái không khí đượm vẻ « đậm đà » của miền bể Vì Thanh-hóa còn cách Sầm-sơn có độ 16 cây số, thế nghĩa là Bái-thượng cũng gần bể,

Chúng tôi còn vui hơn vì đã họp được bạn để cùng đi đến một nơi lịch sử, một nơi vẻ vang muôn thuở : Lam-sơn ! Lòng tràn một niềm thành kính, chúng tôi có cái hăm hở của những tín đồ đi vào đất thánh. Đo không phải là cái hăm hở của mấy vạn người tay sách giáo, lưng đeo cung, tam tứ thứ kéo nhau đi đến Jérusalem, dù phải chiến trận, dù phải sả thân vì chúa. Chúng tôi hăm hở nhưng mà lặng lẽ. Ồ ạt làm sao được khi chỉ có ba người khi chúng tôi biết sẽ không phải dùng tay vào cuộc chém đâm nào, và bởi thế, không phải dùng đến máu xương mà trải xuống dọc đường.

Dù chúng tôi cho ngựa đi chậm rải, cái khoảng 3 cây số cũng đã vượt qua một cách chóng vánh. Chúng tôi đến Mục-sơn.

Mục-sơn là một làng khá to. Chúng tôi bẻ cương sang tay trái đi vào con đường đá. Cũng về phía trái, một quả núi hình thù tựa con voi khổng lồ đương phớt hồng lên trong ánh mặt trời. Núi Mục lặng lẽ. Núi Mục trầm ngâm nhớ mãi chuyện ngày xưa. Phải, ngày xưa, dưới chân núi Mục, bên sườn núi Mục, quân Nam từ chiến với quân Tàu. Và quân Nam đã thua, đã phủ lên núi Mục những lần máu đỏ Quân Nam thua để khiến người Nam càng vững chí phục thù giặc Minh. Một con ngựa của chúng tôi bỗng hí lên. Chúng tôi giật mình tưởng đâu ngựa thét bãi sa trường Một người bạn đùa hỏi : « Có phải chúng ta là chiến sĩ ? » Chúng ta là những người cưỡi ngựa không vững thì đúng hơn » Cả bọn cười ồ lên vì câu trả lời thiết thực mà có phần trâm biếm, chua-chát

Đi chừng 300 thước, chúng tôi gặp sông chảy ngang. Đó là sông Chu sẽ hiệp với sông Mã để chảy qua địa phận Thanh-hóa mà ra bể ở phía trên Sầm-sơn. Trên sông Chu lá cờ khởi nghĩa đã làm tung bao lớp sóng Biết đâu người chiến sĩ xưa đã chẳng trỏ giáo xuống giòng mà quyết : « Thù nước nếu không báo được, thề chẳng quay về ». Không có cầu bắc chúng tôi phải đợi đò ngang. Còn đò ngang cũ kỹ, người lái đò quê mùa ; chúng tôi có cảm tưởng như đang sống ở thời xưa Có thể mỗi lần xuống đò ba người, hai ngựa Chúng tôi xuống một người, một ngựa. Cái cẩn thận ấy là để phòng tai nạn. Thì ra chúng tôi còn sợ chết. Tuy cái sợ ấy có lý sau này nghĩ lại chúng tôi cũng thẹn với những tín đồ đã mạo hiểm để vào được Jérusalem.

Qua sông, vào địa phận làng Lam-sơn. Làng to ; nhà cửa nhiều Xung quanh, đồng ruộng phẳng phiu. Có lẽ Lam-sơn không giữ được cái phong phú của thời vua Lê-Lợi còn là một trường trại. Lam-sơn không còn thấy những đàn trâu bò dài dăng dặc ra vào cồng làng những buổi tinh sương và những lúc hoàng hôn ; không còn nghe tiếng sừng trâu đây đó thổi vang, tiếng người, tiếng vật, hỗn độn. Lam-sơn không còn thấy bụi tung trắng xóa. Bao nhiêu đời bụi đã thôi tung, Lam-sơn bấy giờ lặng lẽ, thái bình. Cũng lặng lẽ, thái bình như những làng mạc khác dưới trời Nam. Dĩ vãng đau thương, dĩ vãng oanh liệt, tất cả đều đã nằm xuống với đồng ruộng ; từng lớp thời-gian đã phủ lên ngày lại một ngày. Mỗi trận gió xuyên qua, lúa xào-xạo, đồng ruộng như giở mình thở một hơi giải rồi nối lại giấc ngủ êm đềm.

Chúng tôi đi vào làng. Tiếng vó ngựa lốp-cốp trên đường Vài ba người ra cửa nhìn chúng tôi, rồi lại quay vào, thản nhiên. Họ chất phác quá Chừng họ còn bận nghĩ đến công ăn việc làm riêng.

Xuyên qua làng, đi một lát nữa là đến rừng. Chính trong rừng ấy xưa kia người trưởng trại Lê-Lợi đã đêm đêm họp các mưu-sĩ để luận binh cơ, để tính Thái-ất, để lo toan việc nước. Chính trong rừng ấy, hiền-sĩ Nguyễn-Trãi đã tìm thấy chân Chúa trên thạch bàn, dưới ánh đuốc, sau bao ngày dò xét ; đã tính hộ Chúa một quẻ Thái-ất. Và lá rừng đã vì kế Nguyễn-Trãi mà bị sâu kiến cắn thành những câu sấm để lay động lòng dân.

Chúng tôi đi qua một chiếc cầu nhỏ vào rừng Cảnh vắng vẻ, lặng lẽ, hoang vu làm tôn lòng sùng thượng của chúng tôi. Và chúng tôi cảm động một cách thấm-thía. Chúng tôi đã xuống ngựa buộc vào gốc cây. Chân chúng tôi e-dè. Chúng tôi không ai bảo ai mà đều

lặng - im. Một vẻ trang-nghiêm phảng-phất Mỗi gốc cây, mỗi ngọn cỏ như mong một kỷ-niệm, một dấu tích gì khiến chúng tôi không dám xâm phạm đến, khiến chúng tôi nhìn bằng con mắt kính-cẩn. Có phải máu Nam quân xưa kia đã đổ lên cây lá để ngày nay cây lá trở nên thiêng ?

Đi một quãng chúng tôi gặp một tấm bia đá lớn dựng trên lưng một con rùa đá to bằng cánh phản. Người ta bảo bài bia của Nguyễn-Trãi làm, Chúng tôi hồ thay không có một cái vốn chữ nho để đủ đọc một bài bia. Chúng tôi ngượng-ngùng làm sao trước di-tích của tiền-nhân ! Chúng tôi cảm thấy những giòng chữ kia nói nhiều với chúng tôi lắm, trong khi chúng tôi chỉ là những kẻ ngoại quốc nào không biết tiếng để mà thông hiểu. Chúng tôi buồn và tự giận xiết bao, Một bài bia ấy và bao nhiêu bài bia khác, một giòng chữ và bao nhiêu giòng chữ nữa của tiền-nhân ; mà như thế đã là đắc tội lắm rồi. Chúng tôi quanh quẩn bên tấm bia một lúc rồi lại đi.

Chúng tôi tìm thấy lăng vợ vua Lê. Giữa khoảng rộng, từng bậc, từng bậc cao lên, hai bên có ngựa, voi, đình thần bằng đá đứng chầu. Ở bậc cao nhất là lăng. Chữ « lăng » đây không nên gợi cho trí ta những hình-ảnh rực-rỡ, tôn-nghiêm hùng-tráng... Lăng đây chỉ là một ngôi mộ lớn, xung quanh xây gạch, ở trên đắp đất. Không một chân nhang Chúng tôi bùi ngùi tấc dạ. Vợ một vì vua khai quốc chỉ được đến thế thôi chăng ? Hay là vì lối kiến trúc đời xưa đơn giản rồi thì triều Lê đổ, triều khác lên, ai còn nghĩ đến sự sửa sang cho nấm mồ người khuất ? Người ta còn bận tâm đến việc đương thời. Nhưng cũng lạ cho dân ta đua nhau thờ những thần nọ thánh kia, thờ cả cây đa gốc đề, còn những bậc anh hùng hay liệt nữ chết đi chỉ được một làng thờ là may. Thường thì cứ đất nào thần ấy cả.

Chúng tôi còn phải buồn hơn nữa là tìm mãi không thấy mộ vua Lê-Lợi. Rừng cây um - tùm rậm rạp Lau mọc chi chít. Thực là thói vô tình của người ta đến thế là cùng : Cái bậc có công với đất nước là dường ấy, vì vua khai quốc ấy, ngày nay yên nghỉ ở nơi nào, hỏi ai là người biết rõ ? Có chăng một nhóm thôn dân Lam sơn còn biết ; song có lẽ họ vì phải mưu sống và hững hờ với mọi sự đời.

Chúng tôi thơ thẩn trong rừng mãi. Khi trở ra, chúng tôi vào đền thờ vua Lê-Thái-Tổ, đền nhỏ dựa vào rừng, nhìn về phía làng Lam-sơn. Cửa ngỏ, chúng tôi vào tự nhiên. Tịnh không có người nào. Người thủ từ giảng chừng đi làm lụng thêm ở đâu. Có lẽ dân ở chung quanh còn nhớ vĩ - nhân xưa mà không ai nỡ thừa khi vắng vẻ vào đền lục lọi. Đền cũng chả có gì, ngoài đồ thờ thường, có mấy cây gươm. Duy có một bức tượng vua Lê ngồi trên ngai, mặc triều phục là đáng chú ý. Tượng bằng đồng, cao gần đến nóc đền. Một trẻ chăn trâu đi qua, chúng tôi gọi hỏi thăm. Hắn cho chúng tôi biết là một người nào ngoài Bắc-kỳ mới vào viếng cảnh bỏ tiền ra đúc tượng thờ. Chúng tôi thầm phục cái nghĩa cử ấy. Ở xứ ta ít người giầu ; và cái số người có tâm xem chừng cũng không đông lắm, Những cuốn sách rất có giá trị như ở bên Pháp chả hạn, để nói đến những gương nghĩa hiệp, bác-ái... Nói tóm lại những gương sáng ở xứ ta hãy còn hiếm và như là không có vậy.

Trở về, đến làng Lam-sơn, chúng tôi gặp một người quen. Người ấy mời chúng tôi vào nhà. Khi biết chúng tôi đi thăm dấu tích cũ

Thống chế Pétain đã nói :

« Một nước lớn mà được lâu dài, chính nhờ ở mối liên-lạc chặt-chẽ những sự-nghiệp hiển hách của các bậc vĩ-nhân và công lao vô-danh của thường-dân lương-thiện, tích lâu từ đời nọ sang đời kia ».

người ấy đưa chúng tôi ra xem một cổ thụ rất to, ước độ ba người ôm, và kể cho nghe mẩu dã-sử này :

Vua Lê-Lợi đánh nhau với quân Tàu bị thua. Ngài chạy về, quân tầu đuổi riết Bỗng ngài thấy một bóng người thấp thoáng trước mắt, chân đi nhẹ như không chấm đất, tỏ ý bảo ngài theo Ngài, biết là thần nhân đắt bước. Đến một cổ thụ to, thần nhân biến mất Và ngài trông thấy một hốc cây liền chạy vào ẩn mình. Quân Tàu đuổi đến nơi, nhớn nhơ, nhớn nháo Không biết ngài chạy đâng nào. Song những con chó săn của người Tàu cứ xúm vào gốc cây mà sủa ầm lên. Liền có một con thỏ trắng chạy ra. Chó săn đuổi theo con thỏ ấy. Thế là quân Tàu lại kéo đi mà không ngờ gì nữa. Vua được thoát thân. Có lẽ lòng Trời không muốn vua bị bại, và vận nước Nam đến ngày khá, nên mới có sự lạ vậy.

Chúng tôi từ giã người kể chuyện, nhìn lại gốc cây một lần nữa rồi lên ngựa.

Trong lòng chúng tôi chứa chan những nỗi niềm u ẩn không tên. Chúng tôi cùng im lặng.

Trời đã về chiều. Một tiếng chim gì kêu rời rạc.

Sông Chu « cặn mặt với tang thương.

VỊ - DUNG

Viết theo lời một người bạn

Hà-nội ngày 14 tháng 8 Nhâm-ngọ

TIỂU-THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 14 của CHU-THIÊN

LIÊN-TƯỜNG âu-yếm bế Tái-Tạo và nói :

— Em ngoan lắm, em đưa chị và mẹ về gặp cha nhé. Nhà có gần đây không ?

— Thưa chị, cũng gần. Nhưng ở giữa rừng.

III

Trần Long liền sai sắp võng cho Phan phu-nhân, đóng ngựa cho chàng và Liên-Tường để cùng đi theo Phan Tái-Tạo về Lưu-đạo đón Phan-công. Tin thế nào đi chuyến này cũng rước được ngay Phan-công về. Trần cho mang theo cả hai cái võng không nữa,

Rồi cả đoàn theo cậu bé họ Phan lên đường. Bọn lính chửa hiểu ý-tình quan Đề-đốc thế nào, đều đứng ngơ ngác nhìn nhau như dò hỏi. Nhưng không ai dám nói gì lặng lẽ tiễn gia-đình quan Đề-đốc ra ngoài cổng dinh.

Giời đẹp. Gió thổi nhè nhẹ. Trên không, mấy đám mây trắng nuột như bông lơ lửng trôi chầm chậm. Làn cây xanh tắm trong không-khí im-lặng của đồng quê như cùng vui vẻ đón chào những người bước tới cuộc đoàn-viên đích-đáng đã tưởng cơ hồ không còn có ở trên cõi trần nữa. Nhưng không một ai còn để ý đến cảnh tươi cười ở bên ngoài. Cả đoàn đều lặng-lẽ đi và mải lặng-lẽ nghĩ mừng thầm trong bụng. Tái-Tạo mừng được gặp mẹ già, chị gái, và nhất là mừng được ra về ngay để cha mẹ khỏi phải nóng lòng lo ngại. Rồi sau này muốn ra sao thì ra : án đã vỡ rồi, cha mẹ có lo buồn giữ-gìn cũng vô-ích, tất phải quen dần đi... Phan phu-nhân vui mừng vì mong mỏi mãi nay gặp chồng già đã ngoại mười năm xa cách, mà giời còn để sống với nhau đây, lại được thêm đứa con giai nối dõi. Thật là một đại-phúc không ngờ, nên phu-nhân càng mong ngựa và võng đi mau cho chóng tới nơi, chỉ sợ cái phúc lớn kia lại như cái bóng hiện ra đấy rồi lại tàn ngay đấy, không kịp để người ta ôm lấy cho thật thỏa cái lòng mong mỏi. Giá lúc ấy phu-nhân có đôi cánh bay cao thì phu-nhân sẽ cất mình vượt qua cây cối, làng-mạc, vụt một cái đã hạ mình xuống thôn Lưu-đạo bên rừng Tiêu-sơn rồi... Liên-Tường với tấm lòng hiếu-kính bồng-bột của con trẻ, cũng càng vui mừng mong gặp mặt cha già, bấy lâu chịu khổ sở gian-truân vì nàng gây ra cả, nàng mong-mỏi phóng ngựa như bay đến nơi, để được trông thấy mặt cha già, quỳ trước mặt, ôm lấy gối mà khóc than xin người tha cho cái tội bất hiếu của đứa con bạc bội. Nên luôn luôn nàng giục phu võng đi nhanh :

— Nhanh nữa, nhanh hơn nữa !

Trần-Long thấy mẹ vợ và vợ vui-mừng nóng nẩy như trẻ thơ, cũng vui vẻ, mong chóng gặp quan Phan Thượng-thư để cả nhà được sum họp đoàn - viên. Hơn nữa, chàng mong chóng gặp vị lão-quan đã lừng-lẫy một thời mà những hành vi, xuất-xử đã để cho chàng khâm-phục từ lâu. Chàng mong gặp ngài, không những để tỏ lòng biết ơn của con rể đối với bố vợ thân yêu, mà lại còn để tỏ lòng ngưỡng-mộ của kẻ sinh sau, hơn nữa, của kẻ thiếu-niên dự-chính đối với một bậc tiền-bối tài cao đức lớn, sống giữa lúc vận nước rối bời, mà tiết-tháo vẫn chói-lòa, chí khí vẫn cứng-cỏi. Cho nên cũng như mẹ, như vợ, như em, chàng mong-mỏi cho chóng đến nơi. Nhưng lòng mong ước của người vô-hạn, mà sức đi thì chỉ có ngần, mấy tên phu võng đã mải, miết bước, cắm cổ đi, luôn luôn chuyền vai này đổi vai khác, mà vẫn thấy chậm, cứ chậm, còn chậm... Chỉ nghe thấy những tiếng giục, tiếng mắng, tiếng chân ngựa nện đường cồm - cộp. Ngoài ra, không ai nói chuyện. Ai cũng nóng ruột, mong cho chóng tới rừng Tiêu-sơn, tới thôn Lưu-đạo.

Thì cả đoàn đã tiến đến mé rừng rồi. Tái-Tạo đi đầu quay lại thưa với Trần-Long :

— Bẩm Thượng - quan, gần đến nơi rồi. Nhưng vào rừng phải đi thong-thả. Tiểu đồng xin phép đi vượt lên một tí.

còn nữa

CHU-THIÊN

Bia văn-miếu

tiếp theo trang 19

9, Vịnh ông Phạm-Lãi chơi Ngũ-hồ; 10-11, Hoa rụng ; 12-13, Trong chốn lữ thứ tiễn xuân ; 14-16, Xuân cung từ ; 17-18, Xuân cung oán ; 19, Vịnh mai ; 20, Nhớ xưa ; 21, Qua Mai-thôn ; 22 Trạm Hoành sơn ; 23, Chùa cổ ; 24, Trung thu thưởng nguyệt ; 25-26 Minh hoàng nhớ Qui-phi ; 27, Đêm trừ-tịch ngẫu thành ; 28, Ngày xuân tức cảnh ; 29-30, Ngày hè tức cảnh, 31, Nhìn ngang bụi trúc ; 32, Núi non bộ ; 33, Nhạn trắng bên sông. Ông Đàm-văn-Lễ có soạn tập *Thiên Nam dư hạ*.

Còn nữa

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

1, Đại Nam nhất thống chí, *quyển Bắc ninh, tờ 32b, sách viết bằng chữ Hán của Bác-cổ số A 69 chép « trong năm Cảnh thống 1498 1503, Đàm-văn Lễ chịu tờ di-chiếu của vua Hiến-tôn 1497-1504, giúp vua Túc - tôn, 1504, Ung-mục đế, 1505-1509 giận, đầy vào Quảng-nam, đi đến bến đò An lạc tỉnh Nghệ an, cho người theo bắt tự-tận, ông bèn gieo mình xuống sông chết».*

HƯNG-ĐẠO ĐẠI-VƯƠNG

Kịch lịch-sử

tiếp theo kỳ 64

TRẦN VĂN-BÍCH

Nhân-Tôn. — *Lời khanh nói chắc như đanh như sắt,*
Đất nước nhà còn mất, trẫm nhờ khanh
Khanh khá mau lo thống-lĩnh muôn binh,
Luyện tướng sĩ ra tay binh giặc nước.
Phút giờ đây trẫm phong cho khanh chức:
« Binh Nguyên-quân, thủy lục Tổng Nguyên-nhung »,
Phạt kẻ hèn và thưởng tướng có công,
Khanh dụng kiếm Thanh phương làm hiệu lệnh

Hưng-Đạo. — *Kẻ hạ thần xin cúi đầu lĩnh mệnh.*

Hạ-màn

Hồi thứ II

Hóa-giang

Hưng-Đạo vương, Nguyễn Khoái và bá quan. Quân chảy qua hát bài «Bài anh-hùng ca»

Yết-Kiêu. — *Thưa tướng-công, quân ta đã tới bờ sông Hóa,*
Giòng xưa kia cuồn cuộn nay ngừng rồi.
Xin Nguyên-nhung hạ lệnh truyền tướng tá
Tìm lối qua bến vắng cạn nước trôi.

Hưng-Đạo. — *Đây sông Hóa, nước đã thôi tuôn chảy,*
Hận quốc-gia nên cạn mạch máu thiêng.
Bởi vì đâu cho núi lở, thành nghiêng?
Hỡi tướng-sĩ! Phải chăng vì Nguyên-tặc!
Bớ Yết-Kiêu! Hay mau truyền quân bắc
Ván thành đường cho muôn vạn binh qua.

Yết-Kiêu. — *Dạ.. Quân ồn-ào đặt ván xong*

Yết-Kiêu. — *Thưa Tướng-công, giòng sông Hóa đất lầy-lội quá,*
Nhưng dẫu sao đường cũng đã hoàn thành,
Xin tướng-công cho truyền lệnh khởi hành.

Hưng-Đạo. — *Truyền đáng ngợi, giờ lành quá độ.*
Quân đi qua, hát bài Tráng-sĩ hành ».

Dã-Tượng. — *Thưa Tướng-công, cỗ tượng thần ta-lớn,*
Trong bàn sông chân lún quá sâu rồi,
Xin tướng công đành lên ngựa, bỏ voi,
Sang sông để kịp giờ lành-tốt.

Hưng-Đạo. — (*Xuống voi, lên ngựa. Gạt lệ*)
Lệ anh-hùng, phát đây sầu nhỏ giọt
Cũng chỉ vì thương xót kẻ trung thần.
Thương tượng-thần vất vả đã bao năm
Trải trăm trận thì gan cùng chiến-sĩ.
(*Vỗ-về voi*) *Thôi, Nghĩa-tượng, thôi ngươi ngừng giỏ lệ.*
Khối căm hờn mang mẻ biết bao khuây!
Rồi thiên thu còn vang mãi khúc sông này,

Bàn về Việt-nam khoa-học ngữ

tiếp theo trang 3

Đáng lẽ đi sau dễ hơn, học sau tinh hơn, khôn hơn mới phải, vậy mà người mình hình như cho rằng vì đi sau cho nên khó, vì biết sau cho nên không có chữ, có tiếng để mà nói. Kỳ thiệt!

Sở dĩ mình thấy viết khoa học bằng tiếng mẹ đẻ, nói khoa học bằng tiếng mẹ đẻ là một công việc khó khăn, thiếu tiếng, thiếu chữ, như không làm được, là vì chỉ nghĩ đến dịch chữ khoa học của người, chớ mình không nghĩ đến biến ngấu (assimiler) cái khoa học của người để làm của mình.

Giả thử, người mình có óc khoa học trước người Âu-mỹ, người mình biết những điều khoa học trước người Âu-mỹ thì các nhà khoa học — có óc khoa học — của mình sẽ làm thế nào mà đạt tư tưởng được nhỉ?

Tất các ông sẽ phải bịa ra hay tìm ra một cách gì để đặt những tiếng mà các ông cần dùng để đạt tư tưởng, để bày giảng sự hiểu biết của mình. Tất các ông sẽ phải làm một công việc y như công việc của các nhà khoa học Âu-mỹ đã làm, nghĩa là tìm ngay ở trong tiếng mẹ đẻ của mình những phương pháp xưa vẫn có, để dựa đó mà đặt ra những chữ mới, những tiếng mới mỗi khi cần dùng tới.

Khi đó các ông sẽ thấy viết khoa học bằng tiếng Việt-nam không phải là một sự khó khăn quá đỗi như người ta tưởng.

Vậy mà đến ngày nay mình vẫn chưa có sách khoa học. Tại làm sao? Bài sau tôi sẽ nói đến.

NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

Vang mãi tiếng người sa lầy vì việc nước.
Hỡi ba quân vì đâu lai-láng máu đào ?
Vì đâu muôn vạn đồng-bào phơi thây ?
Đã hai phen giặc Thát sang đây.
Hai phen ngựa đã móng lầy bùn nhơ !
Biết bao lần rách giáp, nát cờ,
Mà quân Nguyên vẫn trơ trơ chẳng sờn.
Chương-dương, rồi Tây-kết, rồi Vân-đồn,
Ba nơi ngàn vạn cô hồn bơ-vơ !
Thương ôi ! Sương sa phủ núi mịt-mờ,
Mịt mờ vận nước, thờ-ơ sao đành ?
Lặng nghe, Chư tướng ! Lặng nghe. Chư binh !
Lặng nghe quân lệnh đinh ninh từng nhời

Chỉ một phen này nữa mà thôi,
Một phen này nữa hết đời Thoát-Hoan.
Phút đây ta thề quyết với Hóa-giang :
« Trận này không thắng không sang sông về »
Hỡi tướng-quân Nguyễn Khoái ! Ngươi khá nghe :
Phục-Ba xưa diệt Man-khê mấy lần ?
Đã ăn lộc nước, phải báo Hoàng-ân,
Hoàng-ân coi trọng, bản thân xem thường.
Man đem thuyền lên ngược Đằng-giang,
Ngầm sai cắm cọc hàng hàng dưới sông,
Chờ khi trời chiều ửng dáng hồng,
Triều dâng nước rộng mênh-mông vờn bờ,
Đưa thuyền nan mấy lá lô-sô,
Kéo ra khiêu khích quân thù vô mưu.
Dẫn lui quân lựa với ngọn triều
Cùng chờ đại đội quyết liều một phen

Nguyễn Khoái. — *Dạ ! Tiểu-tướng mừng vui thụ lịnh truyền*
May gặp dịp báo đền lộc nước.
Quân qua sông ngoài hát bài « Anh hùng ca »
Màn từ-từ hạ

Hồi thứ III

Triều đình

Sau ngày vinh-quang Vua và triều thần

Nhân-Tôn. — *Hỡi chư khanh ! xã tắc nay bền vững,*
Chính là nhờ công trạng của chư khanh.
Nhưng chớ quên bao tiên tổ anh linh,
Thường phù-trợ để bình quân cường-bạo,
(Quay về phía Hưng-Đạo),
Lại gần đây, hỡi Đại-vương Hưng-Đạo.
Khanh vì ta mà úy-lạo ba quân,
Và giờ đây, trước đủ mặt triều thần,
Trận sông Đằng, khanh kha phân tường ta rõ.

Hưng-Đạo. — *Tâu Bệ-hạ, nhờ người xưa phù-trợ,*
Và mông ân đức-độ của Thánh-hoàng,
Nên một chiều, trên khói nước Đằng-giang,
Quân ta đã phá tan đàn sói Bắc.
Trong trận đó, có công đầu phá giặc,
Là tướng quân Nguyễn Khoái, chức tiên phong.

Chiều

Gió lộng lên... bóng rộng lên...
Chiều rồi ! Ngày đẹp tàn thêm một ngày !

.·.

Sóng đồng khoảng vắng chuông lay...
Nghiêng nghiêng đôi cánh cò bay bóng tà..
Chập-chơn tím chửa non xa?
Nở thêm... hiu quạnh mấy hoa sao vàng !

.·.

Mộng trần lạc hướng hoang mang,
Buồn xa-xăm dội vang vang ý chiều.

.·.

Lòng tôi cần lắm tịch-liêu,
Một hai tình bạn trong nhiều nhớ thương
Khoan-khoan đừng gióng sáp hường
Đêm nay nhớm lại lò hương đêm nào...

24 Mai 1942
GIẢN-CHI

Cành tà-dương

Ráng thu sáng rực một màu vàng,
Gió thổi hiu-hiu, cảnh nhẹ-nhàng.
Ngơ ngác chim chiều tìm tổ ấm.
Mặt giời thơ-thẩn lội trong sương.

CÁCH-CHI

Hãy đọc
VÀNG SAO
Văn xuôi của thi sĩ CHẾ LAN VIÊN
Bìa do họa sĩ Lưu văn Sin trình bày
In toàn trên giấy vergé bouffant giá đặc biệt 2 p. 50
Nhà xuất bản Tân-Việt 49 – Takou Hanoi

Sắp có bán
TRIẾT HỌC KANT
của NGUYỄN - ĐÌNH - THI
Đang in
Triết học NIETZSCHE
«Tủ sách triết học» TÂN-VIỆT

Nhà sách MAI QUANG. 110. G. Guynemer chợ cũ. Saigon nhà sách được nhiều tín nhiệm.

Thần mạn xin tiến cử vị anh-hùng,
Dâng sớ điệp thủy chung trình cặn-kẽ.

Nhân-Tôn. — *Lại gần đây, tướng trung-trinh tuổi trẻ,*
Trận Bạch đằng khanh khá kể trước sau.

Nguyễn-Khoái. — *Kẻ hạ thần xin bái mệnh cúi đầu*
Chúc thánh thượng thọ lâu cùng đất nước.
«Tâu bệ hạ, một buổi chiều đông trước,
Bờ Hóa giang thần phụng lĩnh mưu sâu,
Chờ khi triều sông Bạch nước dâng cao
Ra dụ chiến quân Tàu dời khỏi tổ.
Trước giặc lớn, đoàn thuyền ta bé-nhỏ,
Bơi ngược giòng, hoảng-sợ chạy như sên.
Thế rồi... Quân reo, trống động vang rền,
Đầy trời sát-khí gươm chen dáo dài,
Quân Tàu hăng - hái tiến hoài,
Thầm cười Nam quốc anh-tài non gan.
Vênh-vang hai gã Ô, Phàn,
Ngông-nghênh chỉ dáo đứng ngang mũi thuyền.
Vung tay đốc thúc quân Nguyên.
Ra tay chèo lái, liền liền tấn công ;
Đùng đùng thuyền Thát xuôi giòng,
Hùng uy ngọn dáo, cường phong lá cờ,
Nào ngờ, mà có ai ngờ !
Hễ khi triều xuống là giờ ta lên.
Quân Nam đột khởi hai bên,
Bạch-đằng chật bóng chiến thuyền Đại-vương.
Hàng rừng gươm đoản, dáo trường,
Nức lòng đánh chặn hẳn đường Thát binh.
Thát binh trong lúc vô tình,
Xua nhau tan chạy, điêu linh trăm phần.
Thuyền sô phải cọc cắm ngầm,
Thì nhau tan vỡ, ầm ầm đổ nghiêng.
Thương thay quân tướng nhà Nguyên,
Đem xương thịt gởi giang biên Bạch-đằng.
Nước xanh giờ đổi ra hồng,
Mừng vui chiến thắng xuôi giòng cuốn man.
Biết bao nhiêu vạn quân Tàu,
Quẳng gươm, bỏ dáo cúi đầu xin tha.
Trên sông vang tiếng hùng ca,
Vang lừng mừng chúc quân ta khải hoàn.
Bên đồi gió chuyển mây vần,
Hồn tử sĩ cũng ầm ầm reo vang,
Reo vang sóng Bạch - đằng giang,
Nghìn thu danh tiếng Đại-Vương chưa mờ,..

Nhân-Tôn. — *Reo vang sóng Bạch-đằng giang,*
Nghìn thu danh tiếng Đại - vương chưa mờ !
Lệnh truyền ra non Dược dựng sinh từ,
Để kỷ công đã tiễu trừ Nguyễn-tặc.

(Với Hưng-Đạo) *Trước triều đình khanh khá mau thụ sắc*
Tấn phong khanh lên chức tột non sông ?
Chức Thái-sư Thượng thụ Thượng quốc công

Hưng Đạo Đại vương

Hưng-Đạo. — *Ơn chín bệ*
Ban cho thần thật cao sâu vô kể,
Hạ thần xin làm lễ bái Hoàng-ân.

Nhân-Tôn. — *Trẫm nhân nay đương độ tiết xuân,*
Truyền ta bồ Chiêu-lăng Tức-Mặc,
Mừng Thượng-phụ giữ an xã-tắc,
Thân hành đem tướng giặc hiến phu.

(Vừa viết, vừa nói)
Và đây, trẫm chợt nghĩ câu thơ.
Mừng vận nước, trẫm ban cho Thượng-phụ.
Việc triều-chính hôm nay đã tạm đủ,
Truyền bãi trào, đêm đã rả màn khuya.

(Vua vào — Còn lại triều thần)

Hưng-Đạo.—*Bố Tượng, Kiêu, hai tướng hãy nghe ta :*
Mau soi sáng ta cùng chiêm ngự bút.

(Dã-Tượng, Yết-Kiêu cầm đuốc cầm thơ đứng hai bên)
Mai ngày đây bọn Tích-lệ, Ô-mã,
Sẽ mua cười cho thiên-hạ Đại-Nam
Rồi từ nay, mừng xã-tắc bình-an,
Cha con họ Hốt biết gan anh-hùng.
Lặng mà nghe, này hỡi non sông,
Lặng nghe giọng thơ hùng Vương-giả :
« Xã-tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cổ điện kim âu ».
Trần-ai, ai biết ai đâu,
Lòng son vạn cổ vẫn màu tươi xưa !

Hạ màn

TRẦN VĂN-BÍCH

Đã có bán

Thi văn tập của PHAN MẠNH-DANH

Soạn-giả tập Bút Hoa, quyển sách đã được Hoàng-Thượng ngự lãm và ban thưởng kim khánh cho tác-giả.

Thi Văn Tập có lắm bài rất tài tình, và điêu luyện, do cụ thượng Phạm-Quỳnh đề tựa.

Người biết xem văn không thể không thưởng thức Thi Văn Tập. Giá 2 p. 20

Nguyễn trung-Khác 111 Rue du Cuivre Nam-Định xuất bản.

QUỐC-HỌC THƯ'-XÃ

mới phát hành

THI-THỌAI

Một kho tài-liệu vô giá của các nhà thơ, các nhà yêu thơ, các nhà nghiên-cứu thi-học, văn-học. Dầy ngót 300 trang, giá 2p.00, gần hết

LƯỢC-KHẢO VỀ

MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

của Từ-Lâm NGUYỄN XUÂN-NGHỊ

Kiến-trúc-sư tại bộ Công Nam-triều, đã được các báo Annam Nouveau, Patrie Annamite, Trung-Bắc, Việt-Báo, Tràng-An ngợi khen. Giấy Bouffant và giấy lệnh còn 20 bộ, 8p.50; *giấy thường giá* 1p.50

ĐẠO-SỐNG

NGHIÊN-CỨU VÀ PHÊ-BÌNH CÁC CHỦ-NGHĨA ĐẠO-LÝ TRIẾT-HỌC ĐÔNG-TÂY

Tựa của cụ Thượng PHẠM-QUỲNH

MỤC-LỤC SÁCH « ĐẠO SỐNG »

I Khoái-lạc chu-nghĩa: *Aristippe, Epicure, Bantham, Stuart Mill, Du[illegible] ha*
II Cảm-tình chủ-nghĩa: *Adam Smith, Jésus Christ, Thích-Ca, Fichte, [illegible] Schopenhauer, Auguste Comte, Durkheim*
III Lý-trí chủ-nghĩa: *Epitecte, Marc Aurèle, Zénon, Jou, roy, Mặc-Tử, Lão-tử, Trang-Tử, Khổng-Tử, Mạnh-Tử, Tuân-Tử.*
IV Hình-thức chủ-nghĩa: *Kant*

Bản giấy thường giá: 2p.00 Bản giấy registre và lệnh chỉ (còn 30 bộ) 4p.00
Bản thảo (thủ bút tác giả) đóng bìa toàn gấm 100p.
Mua một cuốn xin gửi tiền trước thêm 0p.40 *cước, không bán lãnh hóa giao ngân*

ĐANG IN SẮP XONG

HỌC-THUYẾT MẶC-TỬ'

Tựa của cụ NGUYỄN-VĂN-TỐ

Giấy thường giá	1p.50	
Giấy lệnh chỉ (có chữ ký tác giả)	8.00	*(còn 3 bộ)*
Giấy Bouffant (có chữ ký tác giả)	4.00	*(còn 4 bộ)*
Giấy Vergé baroque crème (có chữ ký tác giả)	7.00	*(còn 2 bộ)*
Giấy ngự-chỉ đặc-biệt	15.00	*(Còn 2 bộ)*
Bản thảo (thủ bút tác giả) đóng bìa toàn gấm	100p.	

Thư từ và ngân phiếu đề tên ông LÊ VĂN-HÒE

Giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ *16 bis, rue Tien-Tsin* — **Hanoi**

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng Administrateur Gérant: Dương Tụ-Quán
Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi